

*

Số 748 -CV/HNDT

V/v Kỷ niệm 60 năm Ngày thành lập
Hội Nông dân Giải phóng miền Nam
(21/4/1961-21/4/2021)

Bình Dương, ngày 19 tháng 4 năm 2021

Kính gửi: Hội Nông dân các huyện, thị, thành phố

Thực hiện Công văn số 2659-CV/HNDTW, ngày 02/4/2021 của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam về việc Kỷ niệm 60 năm Ngày thành lập Hội Nông dân Giải phóng miền Nam (21/4/1961 - 21/4/2021).

Căn cứ tình hình công tác phòng, chống dịch Covid-19 hiện nay của tỉnh, việc Kỷ niệm 60 năm Ngày thành lập Hội Nông dân Giải phóng miền Nam (21/4/1961 - 21/4/2021) về chủ trương của Trung ương Hội không tổ chức các hoạt động kỷ niệm ở mức quy mô lớn.

Với tinh thần trên, để thiết thực Kỷ niệm 60 năm Ngày thành lập Hội Nông dân Giải phóng miền Nam và 46 năm Ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh đề nghị Hội Nông dân các huyện, thị, thành phố tổ chức thực hiện những nội dung sau:

1. Tham mưu cấp ủy tổ chức các hoạt động thiết thực phù hợp nhằm tuyên truyền sâu rộng đến cán bộ, hội viên nông dân về sự ra đời, trưởng thành và những đóng góp to lớn của nông dân và tổ chức Hội Nông dân Giải phóng miền Nam gắn với kỷ niệm 46 năm Ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2021).

2. Tạo điều kiện thuận lợi cho cơ sở Hội, cán bộ, hội viên nông dân tổ chức các hoạt động thiết thực như gặp mặt, về nguồn ôn lại truyền thống, lịch sử hình thành và phát triển của phong trào nông dân và tổ chức Hội Nông dân Giải phóng miền Nam; thăm hỏi, tri ân các thế hệ cán bộ, hội viên nông dân có nhiều cống hiến, hy sinh, vượt qua nhiều gian khổ, có đóng góp to lớn, tích cực trong công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước.

3. Tổ chức phát động các phong trào thi đua lập thành tích chào mừng kỷ niệm, vận động cán bộ, hội viên nông dân và nhân dân vượt qua khó khăn thách thức, quyết tâm lao động sản xuất kinh doanh, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Đề nghị Hội Nông dân các huyện, thị, thành phố tùy theo tình hình của mỗi địa phương tổ chức triển khai tốt các nội dung trên.

(Kèm đề cương tuyên truyền 91 năm Ngày thành lập Hội Nông dân Việt Nam, 60 năm Ngày thành lập Hội Nông dân Giải phóng miền Nam và 46 năm Ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước).

Nơi nhận:

- Ban Tuyên giáo (TW Hội NDVN);
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh;
- Như trên;
- Lưu Ban TC-HC-KT, Ban TG, Website.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Phạm Văn Lòi

ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN
91 NĂM NGÀY THÀNH LẬP HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM (14/10/1930 –
14/10/2021) VÀ 60 NĂM NGÀY THÀNH LẬP HỘI NÔNG DÂN GIẢI
PHÓNG MIỀN NAM (21/4/1961 - 21/4/2021)

I. SỰ RA ĐỜI NÔNG HỘI ĐỎ, TIỀN THÂN CỦA HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM

Đầu năm 1920, sau khi dập tắt các cuộc khởi nghĩa của nông dân, ruộng đất nước ta chủ yếu tích tụ vào tay một số ít địa chủ Pháp, phong kiến, quan lại, địa chủ thường và địa chủ kiêm công thương đã làm xã hội phân hóa mạnh mẽ. Giai cấp địa chủ chiếm 9% tổng số chủ ruộng nhưng lại sở hữu trên 50% diện tích đất canh tác. Tiểu nông chiếm trên 90% tổng số chủ ruộng nhưng lại chỉ có gần 40% diện tích trồng trọt. Ngoài ra còn khoảng 2,2 triệu hộ trong tổng số 4 triệu hộ nông thôn lúc bấy giờ hoàn toàn không có đất. Họ bị bóc lột dã man bởi tô, tức, thuế...

Đời sống nông dân dưới thời Pháp thuộc vô cùng nghèo nàn, đau khổ. Song chính trong sự áp bức bóc lột tàn bạo của thực dân Pháp và tay sai đã khiến cho họ nhận rõ bộ mặt thực của kẻ thù dân tộc và kẻ thù giai cấp. Bằng những kinh nghiệm trực tiếp của mình, giai cấp nông dân đã tiến từng bước tới giác ngộ chính trị. Họ sẵn sàng ủng hộ, đi theo các phong trào đấu tranh vì độc lập dân tộc, vì quyền lợi của người lao động.

Nguyễn Ái Quốc là người cộng sản đầu tiên của Việt Nam, từ lâu, Người đã hiểu và gắn bó với nông dân Việt Nam. Trong cuốn Đường Kách mệnh (1927), đồng chí Nguyễn Ái Quốc đặt vấn đề nông dân Việt Nam muốn thoát khỏi ách áp bức, bóc lột thì phải “tổ chức nhau lại”, vì vậy, Người đã dành riêng một chương phân tích về tình hình nông dân Việt Nam và tầm quan trọng của “*Tổ chức dân cày*” (1). Vạch rõ nguồn gốc đói nghèo, đau khổ của nông dân Việt Nam chính là do sự áp bức, bóc lột tàn nhẫn của đế quốc, phong kiến và bè lũ tay sai. Vì vậy “*Nếu dân cày An Nam muốn thoát khỏi vòng cày đắng, thì phải tổ chức nhau kiếm đường giải phóng*”; (2). Giai cấp nông dân cần phải có tổ chức riêng của mình là Hội dân cày. Nhưng trong tình hình hiện tại chưa nên gọi là Hội dân cày, mà nên gọi là phường lợp nhà, phường đánh cá, phường chung lúa...

Ngày 1/11/1929, Báo “Dân cày” số đầu tiên của tỉnh Ninh Bình được phát hành, nội dung tờ báo tố cáo sự bóc lột dã man của thực dân, kêu gọi nhân dân đoàn kết đấu tranh chống đế quốc cướp nước và đánh đổ tay sai.

Cuối thập kỷ 20 của thế kỷ XX, Nông hội đỏ đã xuất hiện ở một số địa phương. Tháng 11/1929, Ban Chấp hành Tổng Nông hội Nghệ An ra đời, do đồng chí Phan Thái Ất làm Bí thư. Dưới sự lãnh đạo của xứ ủy Trung Kỳ, ngày 10/12/1929 ở thành phố Vinh – Bến Thủy và một số vùng ở Nghệ An rải truyền đơn kêu gọi các tầng lớp nhân dân tham gia các tổ chức quần chúng của Đảng cộng sản. Truyền đơn có phần kêu gọi Dân cày gia nhập Nông hội, theo Đảng Cộng sản đấu tranh đòi bỏ thuế người, thuế vườn, thuế chợ, thuế đò, bỏ lệ bắt phu... Tiếp

theo nhiều tổ chức Nông hội do được thành lập ở Thái Bình, Hà Nội, Hà Đông, Hải Phòng, Hải Dương và các tỉnh Trung Kỳ, Nam Kỳ...

Đầu năm 1930, Hội nghị hợp nhất thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam được tổ chức tại Cửu Long (Hương Cảng - Trung Quốc), trong Sách lược văn tắt của Đảng do đồng chí Nguyễn Ái Quốc dự thảo, được Hội nghị hợp nhất thông qua ngày 03/02/1930 đã nêu ra những vấn đề cơ bản đối với giai cấp nông dân: "*Đảng phải thu phục cho được đại đa số dân cày nghèo làm cách mạng thổ địa đánh đổ bọn đại địa chủ và phong kiến*"; đồng thời, Đảng nhấn mạnh "*Nông dân là lực lượng to lớn của cách mạng*". Vì vậy, phải tập hợp nông dân vào một tổ chức dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, đấu tranh giành độc lập tự do và thực hiện cách mạng ruộng đất.

Cao trào cách mạng 1930 - 1931, dưới sự lãnh đạo của các Đảng bộ địa phương, các tổ chức Nông hội cấp cơ sở được hình thành ở Nam Kỳ, Trung Kỳ, đặc biệt là ở Nghệ - Tĩnh. Nông dân cả nước đã vùng lên đấu tranh cùng với công nhân giành thắng lợi từng bước. Chỉ tính từ tháng 5/1930 - 10/1930 cả nước có 53.000 hội viên nông hội.

Trên cơ sở đó, Hội nghị lần thứ Nhất, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp trong tháng 10/1930 tại Hương Cảng đã thông qua bản Luận cương chính trị, trong đó nêu rõ: "*Dân cày là hạng người chiếm đại đa số ở Đông Dương (hơn 90 phần trăm), họ là một động lực mạnh cho cách mạng tư sản dân quyền*". Luận cương vạch rõ: "*Vấn đề thổ địa là cái cốt của cách mạng tư sản dân quyền, vô sản giai cấp có đứng đầu và cùng với quần chúng dân cày để tranh đấu và binh vực quyền lợi hàng ngày cho dân cày và để thực hành thổ địa cách mạng cho triệt để thì mới giành quyền lãnh đạo dân cày được*".

Cùng với việc thông qua Luận cương chính trị, Hội nghị còn ra Nghị quyết về *Tình hình hiện tại ở Đông Dương và nhiệm vụ cần kíp của Đảng*, trong đó nêu rõ các quyết định quan trọng của Hội nghị, một trong các quyết định đó là "phải chỉnh đốn Nông hội lại cho có hệ thống theo điều lệ mới và dự bị việc tổ chức Đông Dương Tổng Nông hội".

Tại Hội nghị quan trọng này, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ra Nghị quyết về thành lập Tổng Nông hội Đông Dương và thông qua Điều lệ Tổng Nông Hội Đông Dương gồm 8 điều trong đó nêu rõ mục đích "*Thống nhất hết cả Tổng Nông Hội Đông Dương để tranh đấu binh vực quyền lợi hàng ngày của nông dân và để thực hiện cách mạng thổ địa*". Điều lệ Tổng Nông hội Đông Dương quy định: "*Hễ Nông hội nào thừa nhận mục đích, Điều lệ và chịu thi hành những án nghị quyết của Tổng Nông hội Đông Dương và nộp hội phí thì được nhận làm hội viên*". trong đó trọng tâm là xây dựng tổ chức Nông hội, cơ sở của Nông hội là làng. Tổ chức phải theo hệ thống dọc: từ tổng Tổng Nông hội, huyện Tổng Nông

hội, tỉnh Tổng Nông hội, xứ Tổng Nông hội, đông Dương Tổng Nông hội. Cũng tại hội nghị này Điều lệ Nông hội làng được thông qua. Mục đích của Nông hội làng là đoàn kết hết thầy bần và trung nông trong làng, liên hiệp với nông dân và công nhân các nơi trong nước để đấu tranh chống áp bức, bóc lột, bênh vực quyền lợi của nông dân và thực hiện cách mạng ruộng đất.

Việc thành lập Tổng Nông hội Đông Dương (tên gọi đầu tiên của Hội Nông dân Việt Nam ngày nay) đã đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong lịch sử giai cấp nông dân Việt Nam, sự trưởng thành và lớn mạnh về của phong trào nông dân dưới sự lãnh đạo của Đảng.

II. HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM QUA CÁC THỜI KỲ

1. Hội Nông dân Việt Nam và cuộc vận động cách mạng giải phóng dân tộc (1930 – 1945).

Ngày 20/3/1931, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị về vấn đề chính đôn Nông hội đỏ, trong đó khẳng định vai trò to lớn của Nông hội trong cách mạng, giai cấp nông dân *“là một lực lượng chính của cách mạng”*. Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ hai, tháng 3/1931 nhấn mạnh: *Cần phải đẩy mạnh việc tổ chức Nông hội làng, tuyên truyền sâu rộng chủ trương của Đảng, đồng thời chỉ rõ: trong điều kiện địch khủng bố trắng, nông dân cùng các tầng lớp nhân dân đoàn kết đấu tranh, giương cao khẩu hiệu: chống sưu thuế, địa tô, chống nạn thất nghiệp, chống khủng bố trắng, chống cải lương lừa dối, chống chiến tranh....*

Thực hiện Nghị quyết Trung ương hai, các tổ chức Nông hội được củng cố và trực tiếp lãnh đạo phong trào đấu tranh của nông dân. Tháng 6/1932 Trung ương Đảng đã khởi thảo Chương trình hành động nhằm khôi phục nhanh chóng phong trào cách mạng, đồng thời đề ra phương hướng đấu tranh và những biện pháp cụ thể phù hợp với tình hình mới. Chủ trương của Đảng nêu rõ: phải tận dụng mọi khả năng hợp pháp, nửa hợp pháp để tổ chức đấu tranh và phát triển tổ chức bí mật (Nông hội). Trên cơ sở Chương trình hành động của Đảng, Chương trình hành động của Nông hội ra đời bao gồm 10 điểm.

Tháng 3/1937, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp, đề ra đường lối chính trị và phương pháp tổ chức mới, tên của các tổ chức quần chúng đều được thay đổi cho phù hợp với tình hình mới. Quyết định lấy tên **Nông hội thay Nông hội đỏ**. Nông dân có tổ chức chính là Nông hội và có thể tổ chức nhiều hội: hội tương tế, ái hữu, hợp tác xã, hội cấy, hội gặt, hội hiếu hỉ, hội góp họ, phường đi săn, hội chèo, nhóm học quốc ngữ... đã thu hút đông đảo nông dân đấu tranh giành quyền lợi của giai cấp mình. Chủ trương đúng đắn và kịp thời của Đảng đã giúp cho Nông hội khắp nơi trong nước phát huy vai trò của mình trong việc tập hợp, lãnh đạo nông dân hợp lực với công nhân và nhân dân lao động đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ.

Trong năm 1937, có hơn 150 cuộc đấu tranh của nông dân chống cướp ruộng đất, đòi chia ruộng công, giảm tô, tức, khất thuế,... Từ tháng 01 - 11/1938, có 125 cuộc đấu tranh của nông dân với 55.442 người tham gia.

Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ Tám, tháng 5/1941 khẳng định nhiệm vụ giải phóng dân tộc, tạm gác nhiệm vụ cách mạng ruộng đất thay bằng khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của đế quốc, Việt gian chia cho dân cày nghèo, thực hiện giảm tô, giảm tức; thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh); Mặt trận các đoàn thể lấy tên là Cứu quốc. "*Nông hội từ nay gọi là Việt Nam Nông dân cứu quốc hội*, là một bộ phận của Việt Nam độc lập đồng minh; *thu nạp hết thầy nông dân đến cả hạng phú nông, địa chủ muốn tranh đấu đuổi Pháp - Nhật*". Điều lệ Việt Nam Nông dân cứu quốc hội được Hội nghị tháng 5/1941 thông qua gồm 11 điều. Mục đích liên hiệp hết thầy các hạng nông dân yêu nước để bình vực quyền lợi hàng ngày cho nông dân và cùng với các đoàn thể khác chuẩn bị đánh Pháp đuổi Nhật giành quyền độc lập lại cho nước Việt Nam. Hội lấy làng, ấp làm cơ sở,... có Ban chấp hành hội chỉ huy, làng, tổng, tỉnh, xứ và toàn quốc.

Từ đầu năm 1941, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, nông dân các dân tộc Cao Bằng đã tổ chức những đoàn thể cứu quốc đầu tiên. Sau đó, nông dân từ miền ngược đến miền xuôi nô nức tham gia vào các đoàn thể của Mặt trận Việt Minh. *Nông dân cứu quốc hội* là lực lượng to lớn của Mặt trận Việt Minh, đồng thời nông dân còn chiếm đại đa số trong hầu hết các tổ chức cứu quốc ở nông thôn như: thanh niên, phụ nữ ... tạo nên một lực lượng chính trị rộng lớn, áp đảo kẻ thù. Các tổ chức nông dân cùng với công nhân đã trở thành "xương sống" của Mặt trận. Từ các bản làng heo hút ở vùng rừng núi Việt Bắc đại ngàn xuống đến vùng châu thổ sông Hồng hay trong các thôn xóm của Trung Kỳ, Nam Kỳ, các đội tự vệ cứu quốc mà lực lượng chủ yếu là thanh niên nông dân ưu tú đã lần lượt ra đời làm nòng cốt cho phong trào đấu tranh của quần chúng.

Năm 1941 - 1942, dưới sự lãnh đạo của Nông dân cứu quốc hội, nông dân đã đấu tranh chống thu thóc, chống nhổ lúa trồng đay, nhổ ngô trồng thầu dầu... Từ năm 1943, với khẩu hiệu "*Đoàn kết toàn dân đánh đuổi Nhật - Pháp*", đã đưa nông dân tham gia mạnh mẽ vào các phong trào đấu tranh với những hình thức như biểu tình chống Nhật, vũ trang đánh Nhật... Sau ngày Nhật đảo chính Pháp (ngày 09/3/1945), phong trào "*Phá kho thóc Nhật giải quyết nạn đói*" đã lôi cuốn hàng triệu nông dân vùng lên đấu tranh trực diện với kẻ thù. Qua phong trào đấu tranh các tổ chức cứu quốc của nông dân càng phát triển mạnh mẽ, góp sức vào làn sóng khởi nghĩa từng phần đang nổi lên cuộn cuộn trong cả nước, làm tan rã từng mảng chính quyền cơ sở của phát xít, tay sai, tạo nên khí thế cách mạng sôi sục, đưa cả nước hùng hực bước vào cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

Thành công vĩ đại của Cách mạng tháng Tám là một minh chứng cho tinh thần, khả năng và vai trò cách mạng to lớn của nông dân với sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Đồng thời, là một thắng lợi của sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn của Đảng đối với các tổ chức của giai cấp nông dân, thể hiện sự gắn bó giữa Đảng với nông dân, nông dân với Đảng.

2. Giai cấp nông dân Việt Nam và Hội Nông dân Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng Xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc (1945 - 1975).

Trong điều kiện chiến tranh ngày càng lan rộng với mức độ gay go ác liệt hơn, nhiệm vụ kháng chiến càng đòi hỏi phải động viên toàn thể nông dân tham gia trên tất cả các mặt trận. Đảng và Nhà nước ta chủ trương thành lập Ban Nông vận Trung ương, kiện toàn tổ chức ở cấp Trung ương.

Ngày 06/8/1949, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ra Nghị quyết số 02 – NQ/TW về việc thành lập Ban Nông vận Trung ương, gồm 6 đồng chí: Hồ Viết Thắng, Nguyễn Hữu Thái, Nguyễn Mạnh Hồng, Phạm Xuân Di, Trương Việt Hùng, Trần Đào, đồng chí Hồ Viết Thắng - Ủy viên Trung ương Đảng làm Trưởng ban.

Với nhiệm vụ của Ban Nông vận Trung ương là vận động nông dân: tăng gia sản xuất, tự cấp tự túc, nuôi dưỡng bộ đội, xây dựng hợp tác xã, hoàn thành giảm tô, thực hiện giảm tức, đào tạo cán bộ và thanh toán nạn mù chữ. Thực hiện chủ trương trên Ban Nông vận Trung ương đã tổ chức Hội nghị cán bộ nông dân toàn quốc lần thứ nhất họp từ ngày 28/11 đến ngày 07/12/1949 tại thôn Phong Vân, xã Tân Tiến, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Dự Hội nghị có đông đảo cán bộ đại diện cho tổ chức Hội Nông dân ba miền Bắc, Trung, Nam. Hội nghị đã tập trung kiểm điểm, đánh giá ưu, khuyết điểm của tổ chức Hội, phong trào nông dân, đặc biệt là đánh giá vai trò của tổ chức và hoạt động của phong trào nông dân từ khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ.

Trong thư gửi Hội nghị, Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá cao vị trí, vai trò và tiềm lực lớn lao của giai cấp nông dân cả nước trong đấu tranh giành chính quyền và sự nghiệp kháng chiến. Hội nghị đã nhất trí thành lập **Hội Nông dân cứu quốc Trung ương** (sau đổi tên là Ban Liên lạc Nông dân toàn quốc). Lần đầu tiên trong lịch sử Hội và phong trào nông dân, giai cấp nông dân có một tổ chức Hội ở cấp Trung ương, đáp ứng nguyện vọng của nông dân cả nước.

Ngày 16/4/1951 Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết số 09 – NQ/TW về “*Thành lập các ban và tiểu ban giúp việc*”, trong đó có Tiểu ban Nông vận gồm có 8 đồng chí: Hồ Viết Thắng, Ủy viên Trung ương Đảng làm Trưởng ban và các đồng chí Trương Việt Hùng, Nguyễn Hữu Thái, Trần Đức Thịnh, Phạm Xuân Dy, Nguyễn Mạnh Hồng, Nguyễn Ca, Trần Đào.

Phong trào nông dân từ sau Hội nghị cán bộ nông dân toàn quốc lần thứ nhất có bước phát triển mới, toàn diện và rất mạnh mẽ. Để tiếp tục đánh giá phong trào nông dân và tổ chức Hội. Ban Liên lạc nông dân toàn quốc quyết định triệu tập Hội nghị cán bộ nông dân toàn quốc lần thứ Hai, tháng 5/1951, tại thôn Đồng Quắc, xã Bình Nhân, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang. Dự Hội nghị có hơn 100 đại biểu đại diện cho giai cấp nông dân cả nước. Hội nghị đánh giá phong trào nông dân, hoạt động của tổ chức Hội và quán triệt nhiệm vụ Hội Nông dân trước yêu cầu nhiệm vụ đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tới toàn thắng. Đồng chí Trường Chinh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng tới dự và phát biểu. Đồng chí Tổng Bí thư dành nhiều thời gian nói về Chính cương, quan điểm của Đảng đối với nông dân và chính sách ruộng đất. Hội nghị đã tập trung quán triệt những nhiệm vụ mới của Đảng để lãnh đạo, chỉ đạo phong trào nông dân và xây dựng tổ chức Hội đáp ứng với những yêu cầu trước mắt.

Ngày 08/3/1956, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết số 05 – NQ/TW về “*Thành lập Ban Công tác nông thôn của Đảng*”, lãnh đạo Ban Công tác nông thôn, gồm Trưởng ban là đồng chí Hồ Viết Thắng, Ủy viên Trung ương Đảng (4/1956 – 10/1956); các đồng chí Phó Trưởng ban: Nguyễn Mạnh Hồng, Nguyễn Hữu Khiếu, Trần Đức Thịnh; các đồng chí Ủy viên: Nguyễn Hữu Thái, Trương Việt Hùng, Phạm Xuân Di, Trần Đào, Nguyễn Ca.

Với tinh thần “*Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng*”, nông dân đã hăng hái tham gia “*Phong trào thi đua ái quốc sản xuất lập công đề cao chiến sĩ*” do Đảng và Chính phủ phát động. Các cấp Hội nông dân đã tập trung vận động thực hiện các phong trào, như: xây dựng “*Cánh đồng 5 tấn*”, “*Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người*”, phong trào thanh niên nông thôn lên đường tòng quân giết giặc, bảo vệ Tổ quốc...

Hội Nông dân trong các vùng địch tạm chiếm đã tiến hành nhiều hình thức đấu tranh như bám ruộng đất, làng xóm để sản xuất; lên án hành động bắn phá, đốt hoa màu của địch; tranh thủ sản xuất, thu hoạch và cất giấu lương thực, thực phẩm ở vùng địch hậu trong cả nước để đảm bảo được nhu cầu của nhân dân mà còn đóng góp cho Nhà nước, phục vụ sự nghiệp kháng chiến.

Phong trào cách mạng của giai cấp nông dân và Hội Nông dân đã đóng góp quan trọng vào thắng lợi của các chiến dịch. Chiến thắng lịch sử Điện Biên phủ ngày 07/5/1954 và thắng lợi của Hội nghị Giơnevơ ngày 21/7/1954 về Đông Dương mở ra một thời kỳ mới của cách mạng Việt Nam. Hoà bình được lập lại ở Đông Dương, miền Bắc hoàn toàn giải phóng, bước vào thời kỳ quá độ, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

3. Phong trào đấu tranh của nông dân miền Nam và Hội Nông dân giải phóng miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 – 1975).

Ngày 21/7/1954, Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương được ký kết, đất nước tạm thời chia thành hai miền với hai chế độ chính trị khác nhau để hai năm sau tổ chức hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà. Nhưng đế quốc Mỹ âm mưu kéo dài chiến tranh ở Đông Dương, tìm cách phá hoại việc thi hành hiệp định Giơnevơ, chúng hất cẳng Pháp và tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam, nhằm tiêu diệt phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam, thôn tính miền Nam, chia cắt lâu dài đất nước ta, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và là căn cứ quân sự của Mỹ nhằm lập phòng tuyến ngăn chặn sự phát triển của CNXH.

Để thực hiện chiến tranh xâm lược Việt Nam, đế quốc Mỹ thiết lập ở miền Nam chế độ bù nhìn Ngô Đình Diệm, một chế độ độc tài phát xít tàn bạo, chúng liên tiếp gây ra các vụ tàn sát đẫm máu, điển hình như: ở Chợ Đước, đập Vĩnh Trinh (Quảng Nam, ngày 4/9/1954), Chí Thạnh (Phước Yên, ngày 7/9/1954), Mỏ Cày (Bến Tre, ngày 13/9/1954); đầu độc Nhà lao Phú Lợi (Bình Dương) ngày 1-12-1958 chúng giết hại hơn 1000 cán bộ, chiến sĩ cách mạng và thương dân vô tội khác, hòng tiêu diệt lực lượng cách mạng, đè bẹp ý chí chiến đấu vì độc lập dân tộc của nhân dân ta.

Cùng với việc thi hành chính sách “tổ cộng, diệt cộng” nhằm triệt phá cơ sở cách mạng khắp các địa bàn nông thôn miền Nam, Mỹ - Diệm còn âm mưu phục hồi giai cấp địa chủ, bày trò cải cách điền địa, ban bố Đạo Dụ (Đạo luật) số 2; số 7 và số 57 để lừa bịp nông dân, nhằm bản cùng hóa nông dân, đưa nông dân trở lại cuộc đời nô lệ làm thuê cho bọn địa chủ, tước đoạt thành quả về ruộng đất mà cách mạng tháng Tám năm 1945 đã mang lại cho nông dân; đi đôi với kế hoạch lập “Khu dinh điền”, Mỹ - Diệm còn thành lập “khu trừ mật” ở các vùng từ Tây Nguyên đến vùng đồng bằng Nam bộ nhằm bình định nông thôn, khống chế nông dân, theo phương châm “tách cá khỏi nước” nhằm cắt đứt mối liên hệ giữa nông dân với Đảng. Trước tình hình đó, tổ chức Hội Nông dân cũng chuyển hướng hoạt động dưới hình thức tương trợ, vận vận động công để tiếp tục lãnh đạo nông dân và tìm mọi cách bắt liên lạc với tổ chức Đảng, che giấu, bảo vệ đảng viên và cán bộ; Đồng thời, không cam chịu cảnh “cá chậu chim lồng”, nông dân miền Nam tiếp tục vùng lên chống lại các chính sách phản động của Mỹ - Diệm bằng các cuộc đấu tranh từ công khai bất hợp pháp và hợp pháp, từ đấu tranh chính trị đến dùng bạo lực nhằm phá thế bao vây, kìm kẹp của địch và diệt địch liên tiếp nổ ra khắp miền Nam, chống lại chế độ bù nhìn, tay sai Ngô Đình Diệm đòi thực hiện các điều khoản trong Hiệp định Giơnevơ, chống khủng bố, trả thù người kháng chiến; yêu cầu bãi bỏ các Đạo Dụ phục hồi giai cấp địa chủ cướp bóc ruộng đất của nông dân.

Đặc biệt từ giữa năm 1959, trước khí thế sục sôi cách mạng và sự khủng bố dã man của kẻ thù, bọn bù nhìn tay sai Ngô Đình Diệm công bố Luật 10/59, Mỹ - Diệm đã lê máy chém khủng bố man rợ khắp miền Nam, phong trào nông dân khắp miền Nam đã vùng lên đập tan từng mảng chính quyền cơ sở của địch, như nông dân miền Tây Nam bộ đánh chiếm Đồn Vàm Cái Tàu (Sông Đốc - Cà Mau); Ở miền Trung - Tây Nguyên phong trào vót chông diệt giặc của đồng bào các dân tộc đã làm cho kẻ thù khiếp sợ; cuộc nổi dậy của hơn 5000 nông dân Ralai, huyện Bác Ái (Ninh Thuận) phá khu tập trung Bà Râu - Tâm Ngân sau đó nơi đây trở thành chiến khu cách mạng; làng Ông Tía (Quảng Nam); xã Trà Quang, huyện Trà Bồng (Quảng Ngãi) ngày 28/8/1959; ở Hướng Hóa (Quảng Trị) là địa bàn bị địch kìm kẹp nhất nhưng hơn 500 nông dân các dân tộc Vân Kiều, Tà Ôi, Pa Cô đã tập hợp chống lại địch và hô vang lời thề với Đảng đoàn kết một lòng theo cách mạng đấu tranh chống lại Mỹ - Diệm cho đến thắng lợi cuối cùng và các cuộc nổi dậy cướp chính quyền của nông dân xã: Thường Phú, Thường Thới Hậu, Thường Lạc - huyện Hồng Ngự (Đồng Tháp); xã Đức Lập và xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa (Long An) ngày 4/9/1954; cuộc khởi nghĩa của nông dân An Biên (Kiên Giang) Rùm Đuôn (Tây Ninh) Long Mỹ -Phụng Hiệp (Hậu Giang) ...cũng giành thắng lợi.

Đáp ứng yêu cầu của cách mạng miền Nam, trên cơ sở Đề cương cách mạng miền Nam của đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn tháng 01/1959. Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp Trung ương Đảng (khóa II) đã đề ra nhiệm vụ cho cách mạng miền Nam: Giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và “người cày có ruộng”, xây dựng nước Việt Nam hòa bình thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh. Hội nghị đã xác định đường lối cơ bản của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Phương pháp đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp, kết hợp chặt chẽ 3 vùng: đô thị, đồng bằng và rừng núi. Trên tinh thần đó, Hội nghị xác định phải thành lập một mặt trận rộng rãi ở miền Nam nhằm tập hợp tất cả các lực lượng chống đế quốc, phong kiến và bè lũ tay sai.

Thực hiện Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, từ giới tuyến 17 đến mũi Cà Mau ngọn lửa đấu tranh cách mạng được bùng lên như “Thác trào, bão cuốn” mở ra cao trào “Đồng khởi” của nhân dân miền Nam đã thổi bùng lên ngọn lửa cách mạng ở tất cả các địa bàn cả nông thôn và thành thị. Điển hình, đêm 16 rạng ngày 17/1/1960, dưới sự lãnh đạo của Thường vụ Tỉnh ủy Bến Tre, nông dân các huyện Minh Tân, Thạnh Phú, Mỏ Cày đồng khởi diệt ác, trừ gian giành quyền làm chủ và nhanh chóng lan rộng trong phạm vi toàn tỉnh, sau đó lan ra trong toàn miền Nam. Tính đến cuối năm 1960, qua hai đợt đồng khởi, quân và dân miền Nam đã làm tan rã về cơ bản cơ cấu chính quyền của địch ở nông thôn.

Trong tổng số 2.627 xã ở miền Nam, nhân dân đã lập chính quyền tự quản ở 1.383 xã, số còn lại căn cứ của địch hầu hết đã bị tê liệt. Ở Tây Nguyên và vùng rừng núi khu V, nguy quyền cơ sở đã bị quét sạch. Kế hoạch lập “*khu trừ mật*” của địch đã bị phá sản, chính sách “*cải cách điền địa*” của địch đã bị thất bại thảm hại, 2/3 ruộng đất của nông dân bị Mỹ - Diệm cướp đã trở về tay nông dân làm chủ. Uy thế của cách mạng được củng cố và nâng cao hơn bao giờ hết.

Trước thắng lợi to lớn của phong trào Đồng khởi, ngày 20/12/1960 thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Đại hội Đại biểu Quốc dân miền Nam đã họp tại căn cứ Bắc Tây Ninh, tuyên bố thành lập Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Mặt trận dân tộc Giải phóng miền Nam, **ngày 21/4/1961, Hội Nông dân Giải phóng miền Nam chính thức ra đời** và trở thành thành viên của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Ngay sau khi ra đời, Hội đã tuyên bố tán thành nội dung Tuyên ngôn và chương trình hành động 10 điểm của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam nhằm thực hiện các mục tiêu giải phóng dân tộc, hòa bình thống nhất đất nước và thực hiện các quyền dân sinh, dân chủ. Đồng thời, Hội nhấn mạnh trách nhiệm của nông dân miền Nam trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước và tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng.

3.1. Xây dựng tổ chức Hội vững mạnh, làm nòng cốt trong các phong trào ở nông thôn miền Nam.

Qua phong trào Đồng khởi của nông dân (1954-1960), tổ chức Hội đã phát triển nhanh chóng về số lượng, chất lượng và làm nòng cốt trên các mặt trận đấu tranh cách mạng. Trước thắng lợi liên tiếp của quân và dân miền Nam, tháng 5/1961 với bản chất hiếu chiến, Sen Đầm quốc tế, Tổng Thống Mỹ KEN-NƠ-DI quyết định thi hành “*chiến lược chiến tranh đặc biệt*” ở miền Nam (giai đoạn 1961-1965) chúng dùng quân đội Sài gòn làm lực lượng chủ yếu do Mỹ cung cấp vũ khí, tài chính và chỉ huy bằng hệ thống cố vấn quân sự, chúng kết hợp 3 biện pháp chiến lược cơ bản: Tìm diệt bộ đội cộng sản, triệt tiêu cơ sở cách mạng và phong tỏa biên giới trên đất liền, vùng biển và kết hợp chiến tranh phá hoại miền Bắc. Trong đó đế quốc Mỹ xem “Bình định nông thôn” là mục tiêu chủ yếu và là biện pháp trung tâm trong suốt cuộc chiến tranh, Mỹ - Diệm đẩy mạnh “chiến tranh đặc biệt” thực hiện quốc sách “*áp chiến lược*” dồn dân lập ấp với âm mưu “*tát nước, bắt cá*”.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và ngọn cờ của Mặt trận dân tộc Giải Phóng miền Nam, cán bộ, chiến sĩ nông dân miền Nam không sợ gian khổ, hy sinh quyết bám trụ giữ làng, vùng lên chống giặc với khẩu hiệu “*Một tác không đi, một ly không rời*” phá thế bao vây kìm kẹp của địch, tiến hành đốt phá “*áp chiến lược*” tự

giải phóng nông thôn, thành lập chính quyền tự quản. Mặt khác kết hợp với lực lượng vũ trang cách mạng tổ chức kháng chiến, với những đòn tiến công mạnh mẽ vào sào ngụyệt của địch như chiến thắng: Ấp Bắc (Tiền Giang); Chiến khu D (Đồng Nai; Dâm Dơi, Cái Nước (Cà Mau); Lộc Ninh (Bình Dương); Hiệp Hòa, Đức Huệ (Long An); Bình Giã (Bà Rịa - Vũng Tàu); Đồng Xoài (Bình Phước); Tua Hai (Tây Ninh) v.v... đã làm cho kế hoạch “bình định” của địch bị phá vỡ, “chiến tranh đặc biệt” bị thất bại, tuyệt đại đa số bộ phận nông thôn đã được giải phóng, Hội Nông dân đã thực hiện việc chuyển ruộng đất về cho nông dân.

Đến năm 1965, “Chiến lược chiến tranh đặc biệt” của Mỹ bị thất bại thảm hại, đế quốc Mỹ leo thang chiến tranh áp dụng “*chiến lược chiến tranh cục bộ*” chúng huy động ồ ạt khoảng 3 triệu lượt quân Viễn chinh trực tiếp xâm lược, đánh phá miền Nam Việt Nam, mà đỉnh cao là thời kỳ 1968 -1969 chúng đưa 683.000 quân Mỹ tham chiến với một lượng khổng lồ vũ khí, tài chính và kỹ thuật hiện đại nhất vào chiến tranh Việt Nam.

Trước tình hình địch đánh phá ác liệt, tổ chức Hội Nông dân giải phóng miền nam có bị xáo trộn, việc tập hợp sinh hoạt có nhiều khó khăn, nhưng chỉ sau một thời gian ngắn, tình hình ổn định hơn, cơ sở Hội lại tiếp tục được củng cố và phát triển. Số hội viên không ngừng được tăng lên. Mặc dù trong hoàn cảnh gặp nhiều khó khăn nhưng một số địa phương đã biết kết hợp các mặt công tác kháng chiến để phát triển hội viên. Có nơi huy động nông dân đi “dân công hỏa tuyến” tiếp lương tải đạn phục vụ chiến trường, hoặc vận động nông dân đấu tranh 3 mũi giáp công (chính trị, binh vận, vũ trang) kết hợp bồi dưỡng phát triển, như vậy vừa đảm bảo công tác kháng chiến luôn được đẩy mạnh vừa phát triển lực lượng Hội đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng.

- Đại hội lần thứ I - Hội Nông dân Giải phóng miền Nam, tháng 01/1965:

Đại hội đã đánh giá tình hình hoạt động của Hội từ khi ra đời (1961) và quán triệt yêu cầu, nhiệm vụ mới của nông dân trong đấu tranh chống kế hoạch “bình định”, “gom dân lập ấp” của địch. Đại hội đã biểu dương những thành tích to lớn của nông dân miền Nam trong việc phát triển thế trận chiến tranh du kích, đánh địch bảo vệ vùng giải phóng, vùng căn cứ và là lực lượng chủ yếu trên mặt trận sản xuất, đảm bảo đời sống và cung cấp sức người, của cải cho tiền tuyến.

Qua Đại hội I, phong trào của Hội tiếp tục được phát triển mạnh hơn về số lượng và chất lượng. Lúc này bộ máy tổ chức của Hội Nông dân Giải phóng đã hình thành theo 5 cấp: miền, khu, tỉnh, huyện và xã. Xã là tổ chức cơ sở của Hội ở xã, có Ban Chấp hành Hội cấp xã, dưới thôn, ấp có Ban cán sự thôn, ấp và tiểu tổ Hội. Bộ máy của Hội được củng cố ở tất cả các cấp từ xã lên huyện, tỉnh và khu. Tháng 7/1965, Hội Nông dân giải phóng miền Nam đã ban hành dự thảo Điều lệ

hoạt động của Hội nhằm tiếp tục mở rộng hoạt động của các cấp Hội cơ sở, phát triển hội viên và động viên nông dân phát huy vai trò tích cực của mình trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Thực hiện chủ trương chuyển hướng của Đảng, lấy địa bàn nông thôn làm hướng tấn công chính, đánh mạnh vào kế hoạch bình định cấp tốc của địch, Hội Nông dân Giải phóng đã chủ động giáo dục hội viên, nông dân khắc phục tư tưởng nôn nóng muốn thắng nhanh, đồng thời vạch rõ nhiệm vụ quan trọng nhất ở nông thôn là giành dân, lấn đất, phát triển thế và lực của ta, đánh địch bằng hai chân, ba mũi giáp công. Nông dân liên tục nổi dậy mở thêm nhiều vùng giải phóng, nối các vùng giải phóng thành thế liên hoàn nhiều xã, nhiều huyện hình thành vành đai diệt Mỹ nổi tiếng như: Củ Chi Đất Thép Thành Đồng (TP.HCM) Điện Bàn (Quảng Nam). Đến cuối năm 1966- 1967, quân và dân miền Nam đã bẻ gãy và làm thất bại kế hoạch chiến dịch mùa khô lần thứ II với 5 mũi tên xanh, 2 gọng kìm của Mỹ bằng trận càn XÊ-ĐA-PHÔNG vào Củ Chi (TP.HCM), Bến Súc, Bến Cát (Bình Dương) và đặc biệt là trận càn GIAN-XON-XI-TY vào chiến khu Dương Minh Châu (Tây Ninh) nhằm triệt hạ căn cứ cách mạng vùng Tam giác sắc và căn cứ Trung ương Cục Miền Nam. Nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng và ngọn cờ Mặt trận giải phóng dân tộc miền Nam, chiến dịch tổng công kích mùa xuân Mậu Thân năm 1968 được phát động, hàng triệu nông dân ở các vùng nông thôn xuống đường bao vây tiến công đánh địch trên tất cả các chiến trường từ nông thôn đến thành thị làm cho đế quốc Mỹ và ngụy quyền Sài gòn từng bước sụp đổ, góp phần giành thắng lợi có ý nghĩa chiến lược Xuân Mậu Thân 1968.

Trước sự thất bại nặng nề của quân Viễn chinh Mỹ và chính quyền Sài gòn, ngày 3/4/1968 buộc đế quốc Mỹ phải ngồi vào đàm phán với Việt Nam tại Pari về chấm dứt ném bom miền Bắc; đồng thời, Tổng thống Mỹ Giôn Xon tuyên bố không ra tranh cử nhiệm kỳ II. Như vậy Mỹ đã chính thức thừa nhận sự thất bại của “*chiến lược chiến tranh cục bộ*”. Nhưng với bản chất hiếu chiến, tàn bạo và ngoan cố đế quốc Mỹ không cam chịu thất bại, cuối năm 1969 chúng chuyển sang thi hành “*học thuyết Ních-Xon*” và “*chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh*” tức dùng “*người Việt giết người Việt*” xem đây là cuộc chiến tranh của người Việt Nam với nhau để lừa bịp cuộc đấu tranh của nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới yêu chuộng hòa bình ở Việt Nam. Mặt khác Mỹ tăng cường “*chiến tranh đặc biệt*” ở Lào, mở rộng chiến tranh sang Căm-pu-chia. Trong thời gian này Mỹ sử dụng tối đa về quân sự, kết hợp với những thủ đoạn chính trị - ngoại giao hết sức xảo quyệt nhằm giành lại thế mạnh, để cô lập và bóp nghẹt cuộc kháng chiến của nhân dân ta.

- Đại hội lần thứ II - Hội Nông dân Giải phóng miền Nam, tháng 01/1969:

Dự Đại hội có hơn 100 đại biểu nông dân các địa phương trong toàn miền về dự. Đại hội đã nghe Ban Chấp hành Nông hội toàn miền báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ nhất và bản dự thảo nhiệm vụ trong thời gian tới; nghe báo cáo chuyên đề về công tác chính trị tư tưởng, công tác tổ chức Hội, báo cáo kết quả thi hành chính sách ruộng đất của Mặt trận, về công tác lãnh đạo sản xuất nông nghiệp, về phong trào văn công, đời sống nông dân.

Đại hội nhiệt liệt hoan nghênh và đánh giá rất cao thành tích chiến đấu, phục vụ chiến đấu và xây dựng đoàn thể của nông dân toàn miền. Những thành tích đó đã góp phần quan trọng vào thắng lợi chung của toàn dân tộc ta.

Căn cứ vào nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, Đại hội đã đề ra nhiệm vụ chung cho thời gian tới là: *“Động viên cán bộ hội viên và toàn thể nông dân nâng cao quyết tâm đập bằng gian khổ, hy sinh, khẩn trương xốc tới trước mắt và đập tan kế hoạch bình định cấp tốc của địch; đẩy mạnh tấn công địch bằng võ trang, chính trị, binh vận, diệt ác phá kìm, giải phóng vùng nông thôn còn bị địch kìm kẹp; củng cố vững chắc vùng giải phóng về mọi mặt, vận động nông dân đóng góp sức người, sức của phục vụ tiền tuyến đi đôi với chăm lo bồi dưỡng sức dân kiên quyết giành thắng lợi to lớn hơn, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Yêu cầu nhiệm vụ công tác của Hội hiện nay không những vừa đảm bảo nhiệm vụ trước mắt đồng thời phải xây dựng tư tưởng và tổ chức vững mạnh, sẵn sàng đánh thắng địch trong giai đoạn tới, không ngừng đưa cách mạng miền Nam tiến lên làm cho đời sống của nông dân ấm no, hạnh phúc”*.

3.2. Hội Nông dân Giải phóng miền Nam lãnh đạo nông dân thực hiện các phong trào ở nông thôn.

a. Phong trào đấu tranh bảo vệ quyền làm chủ ruộng đất do cách mạng đem lại.

Sau Cách mạng tháng Tám 1945, chính sách ruộng đất của Đảng được thực hiện từng bước trong quá trình kháng chiến chống thực dân Pháp. Tính chung từ Liên khu V vào đến Nam bộ trong thời gian từ 1945 đến 1954 đã có trên 750.000ha ruộng đất các loại được cách mạng chia cấp và tạm giao cho nông dân, địa tô phong kiến giảm còn từ 25% trở xuống so với sản lượng. Đời sống dân nghèo đã được cải thiện một cách rõ rệt. Những thành quả về ruộng đất mà nông dân miền Nam giành được từ sau Cách mạng tháng Tám đến kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi tuy mới là kết quả bước đầu nhưng đã để lại ảnh hưởng sâu sắc, tạo nguồn lực to lớn cho cuộc chiến đấu chống Mỹ, cứu nước sau này.

Sau Hiệp định Giơnevơ, Mỹ hất cẳng Pháp, nhảy vào xâm lược miền Nam, chúng thi hành chính sách “bình định nông thôn” nhằm chống lại sự nổi dậy của quần chúng nhân dân vì chúng xác định có kiểm soát được nông thôn, chúng mới chiến thắng trong cuộc chiến tranh này, mất nông thôn chúng sẽ mất tất cả.

Trong suốt hơn 20 năm can thiệp và xâm lược, đế quốc Mỹ và tay sai luôn đặt vấn đề ruộng đất làm quốc sách thành một thủ đoạn có ý nghĩa chiến lược. Với các Dự số 2, số 7, số 57 từ năm 1955 đến năm 1956, chính quyền Diệm đã bật đèn xanh cho giai cấp địa chủ giật lại số ruộng đất mà cách mạng cấp cho nông dân và tăng tô, truy tô một cách phổ biến. Thực tế cho thấy khắp nông thôn miền Nam, từ Nam bộ đến Trung bộ và Tây Nguyên, số ruộng đất của nông dân được cách mạng cấp đã bị địa chủ và chính quyền Mỹ - Diệm cướp lại gần hết. Điển hình như ở Mỹ Tho, trong số 46.415ha đất của nông dân được chia cấp chỉ còn giữ được 16ha, 26.000ha đã bị tăng tô. Mức tô trước đây giảm còn 20-25 giạ nay đã tăng lên 35-60 giạ lúa/ha.

Nhưng chính phong trào Đồng khởi của nhân dân miền Nam từ cuối năm 1959 cho đến năm 1975 đã đánh đòn quyết định vào giai cấp địa chủ miền Nam. Ruộng đất mà địa chủ tước đoạt lại của nông dân sau năm 1954 đã phải trả lại cho nông dân. Ruộng đất của địa chủ làm tay sai cho Mỹ - Ngụy tiếp tục bị tịch thu, trưng thu và cấp cho nông dân, ruộng đất của địa chủ vắng mặt được tạm chia cấp cho nông dân không ruộng và thiếu ruộng. Địa chủ thường được phép thu tô nhưng phải thu theo quy định của cách mạng. Kể từ sau Đồng khởi 1960 đến 1965, từ Trị Thiên vào đến Nam bộ, nông dân đã giành thêm quyền làm chủ 1.382.776 ha ruộng đất từ tay bọn phản động. Nếu tính cả đất đai mà nông dân đã thu trước đó thì ruộng đất có trong tay nông dân đến thời điểm này là 2.100.000ha, chiếm 70% đất canh tác toàn miền. Mức tô trong vùng giải phóng đã giảm xuống còn từ 3-20% sản lượng, trung bình là 10%, có nơi nông dân không nộp cho địa chủ nữa. Có thể nói chính sách ruộng đất của cách mạng do Hội Nông dân Giải phóng đứng ra thực hiện kể từ sau Đồng khởi đã có tác dụng tích cực động viên hội viên và nông dân miền Nam luôn trung thành với Đảng và cách mạng, sẵn sàng cống hiến, hy sinh cho cách mạng để giải phóng dân tộc, giải phóng đất nước.

b. Phong trào nông dân miền Nam trong sản xuất phục vụ chiến đấu.

Việc thực hiện từng bước chính sách ruộng đất sau Cách mạng tháng Tám, nhất là sau Đồng khởi 1959-1960 đã tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích tinh thần hăng hái sản xuất của nông dân lao động. Có thể nói trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nhiệm vụ sản xuất ở nông thôn gắn với việc đánh bại quốc sách “áp chiến lược” của địch, mở rộng vùng giải phóng, cải thiện đời sống nông dân và bảo đảm cung cấp sức người, sức của cho cách mạng.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và hướng dẫn của Hội Nông dân giải phóng, nông dân miền Nam đã vượt qua khó khăn, gian khổ, bám đất giữ làng, giữ vững sản xuất, thực hiện khẩu hiệu “hàm tốt hơn nhà tốt”, “biến nhà thành công sự, biến đồng ruộng thành trận địa”, nguyện trang cho trâu bò, đào công sự tránh bom pháo ở ngoài đồng, bố trí lực lượng canh gác ngày đêm,.. đã xuất nhiều gương nông dân

chiến đấu dũng cảm kiên cường giữ đất, giữ làng. Trong lúc nguồn nhân lực quan trọng trong sản xuất nông nghiệp ở nông thôn làm nam giới phải cầm súng trực tiếp ra tiền tuyến thì ở hậu phương – nông thôn, lực lượng sản xuất chủ yếu là phụ nữ, trẻ em và người già. Đặc biệt lực lượng nữ đã thể hiện vai trò thay thế nam giới trong công việc đồng áng. Chị em đã làm được những việc trước đây chưa biết làm như: phát cỏ, cày bừa, cuốc đất, ở miền núi thì phát rẫy..., Tinh thần tương trợ trong nông dân lúc này đã thể hiện rất rõ trong sản xuất và đời sống. Mặc dù bị địch khủng bố ác liệt nhưng những vạn vùn, đội công vẫn phát triển mạnh mẽ trong nông dân ở nông thôn, trở thành chỗ dựa, nơi che dấu cán bộ, du kích...

Đối với sản xuất: Các tổ vạn vùn, đội công đã giúp giải quyết khó khăn thiếu nhân lực trong sản xuất để đảm bảo sản xuất kịp thời vụ và trong những lúc địch đánh phá ác liệt. Lao động của người già và trẻ em được tận dụng. Các vạn vùn, đội công cho thấy nếu nông dân làm ăn riêng lẻ thì có những khó khăn không khắc phục nổi như từ lúc cày đã có người cày và người lo việc cảnh giới địch đi càn, đi lùng sục; lúc gặt, cấy giầu lúa phải làm thật nhanh chóng, gặp lúc địch đánh ban ngày thì phải chuyển sang làm đêm...

Đối với nhiệm vụ chiến đấu: Các tổ vạn vùn, đội công phần lớn trong các vùng căn cứ, vùng du kích nên hai nhiệm vụ sản xuất và chiến đấu luôn được gắn chặt với nhau. Trong từng vạn vùn, hàng năm đã sắp xếp người đi tòng quân, người vào du kích bám đất giữ làng, người đi dân công phục vụ chiến đấu. Ngoài ra còn tham gia xây dựng ấp, xã chiến đấu, phong trào chiến tranh du kích và đấu tranh chính trị.

Đối với đời sống: Nhờ bảo đảm được các nhiệm vụ sản xuất và chiến đấu, các tổ vạn vùn, đội công đã giữ được đời sống của tổ trong hoàn cảnh chiến tranh. Một số nơi đời sống còn được cải thiện. Từ đó đã động viên nông dân trong toàn miền hăng hái tham gia đóng góp sức người, sức của cho cách mạng.

Có thể nói, là một tổ chức chính trị của nông dân miền Nam, Hội Nông dân Giải phóng miền Nam đã kế thừa truyền thống cách mạng của Nông hội đỏ, Hội Nông dân phản đế và Hội Nông dân cứu quốc. Phát huy thắng lợi trong cuộc kháng chiến chín năm chống thực dân Pháp, Hội đã nêu cao vai trò tiên phong, nòng cốt trong các phong trào ở nông thôn, vận động nông dân tích cực thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chương trình hành động cách mạng của Mặt trận dân tộc Giải phóng miền Nam trong mọi lĩnh vực, nhất là trong sản xuất và chiến đấu, trong thực hiện chính sách ruộng đất, là tổ chức xương sống ở nông thôn thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước, góp phần quan trọng trong công cuộc giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

4. Hội Nông dân Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Phát huy vai trò của tổ chức Hội Nông dân trong sự nghiệp cách mạng và tiến tới Đại hội đại biểu nông dân toàn quốc, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo đối với giai cấp nông dân Việt Nam, như:.

Ngày 18/9/1974, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị số 209 - CT/TW về tổ chức Đại hội Đại biểu nông dân tập thể các cấp.

Ngày 11/10/1974, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Thông báo số 16 - TB/TW về việc thành lập Ban Trù bị Đại hội đại biểu nông dân tập thể Trung ương (gắn với Ban Nông nghiệp Trung ương).

Ngày 25/6/1979, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Công văn số 156 - CV/TW, quyết định tách Ban Trù bị Đại hội đại biểu nông dân tập thể Trung ương (trước đây nằm trong Ban Nông nghiệp Trung ương) thành một cơ quan riêng trực thuộc Ban Bí thư, thuộc hệ thống các đoàn thể quần chúng.

Ngày 27/9/1979, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 78 - CT/TƯ về việc tổ chức Hội Liên hiệp nông dân tập thể Việt Nam.

Để phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và đoàn kết nông dân lao động, đưa nông thôn nước ta tiến lên CNXH, Bộ Chính trị đã quyết định thành lập tổ chức thống nhất của nông dân lao động trong cả nước, có hệ thống từ Trung ương đến cơ sở, lấy tên là **Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam**. Chỉ thị khẳng định Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam là tổ chức quần chúng rộng rãi của nông dân lao động trong cả nước, Hội có nhiệm vụ tập hợp, đoàn kết nông dân để giáo dục, vận động nông dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta, hoàn thiện quan hệ sản xuất XHCN ở miền Bắc và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp miền Nam, đưa nông thôn tiến lên CNXH. Hội kết nạp tất cả nông dân hăng hái phấn đấu vào con đường làm ăn tập thể XHCN, theo nguyên tắc tự nguyện.

Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam được thành lập có ý nghĩa chính trị to lớn. Sau nhiều năm không có tổ chức Hội (ở miền Bắc), nay giai cấp nông dân cả nước có tổ chức thống nhất từ Trung ương xuống cơ sở.

Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khác nhau, nông nghiệp nước ta chưa có những chuyển biến tích cực. Mô hình hợp tác xã nông nghiệp trong thời gian qua không còn phù hợp. Những hạn chế của nó đã dẫn đến những biểu hiện suy thoái trong phát triển sản xuất, những dấu hiệu khủng hoảng, bất hợp lý bộc lộ ngày càng rõ, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.

Tổ chức Hội Nông dân ngày càng được Đảng quan tâm hơn. Ngày 27/9/1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 116 - CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam.

Về tổ chức Hội, Ban Bí thư quy định: “Ở Trung ương, tỉnh, huyện thành lập Hội đồng của Hội Liên hiệp nông dân tập thể ở từng cấp; cơ quan của Hội đồng gắn với Ban Nông nghiệp của Đảng, là một bộ phận của Ban Nông nghiệp Trung ương, Ban Nông nghiệp tỉnh, thành phố. Ở cấp huyện, cử đồng chí thường vụ cấp ủy Đảng phụ trách nông nghiệp trực tiếp làm chủ tịch Hội đồng nông dân tập thể ở huyện và một số cán bộ có chất lượng giúp việc làm những nhiệm vụ thường trực của Hội đồng nông dân tập thể huyện”. Đồng thời, quyết định cho ban hành Điều lệ Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam quy định rõ tính chất, mục đích, nhiệm vụ của Hội và tổ chức Hội ở các cấp và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam.

Ngày 20/12/1982, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Thông tri số 22 – TT/TW quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Trù bị Đại hội đại biểu nông dân tập thể toàn quốc.

Ngày 13/02/1984, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Thông báo số 32 – TB/TW về việc mở Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam.

Ngày 10/3/1984, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Công văn số 326 – CV/TW về hướng dẫn công tác chuẩn bị và tổ chức Đại hội đại biểu nông dân tập thể các cấp và đại hội toàn quốc Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam.

Từ ngày 28/5 - 31/5/1984, tại Hậu Giang, Ban Trù bị Đại hội đại biểu nông dân tập thể toàn quốc đã tổ chức họp với 39/40 tỉnh, thành phố trong cả nước để sơ kết Đại hội các cấp chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam.

Ngày 22/6/1984, Ban Bí thư ra Thông tri số 45 – TT/TW, về tổ chức của Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam. Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam là một tổ chức quần chúng rộng rãi của nông dân lao động do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Địa bàn hoạt động chủ yếu của Hội là cơ sở. Cơ quan của Hội các cấp là Hội đồng Hội Liên hiệp nông dân tập thể. Tổ chức cơ sở của Hội là Hợp tác xã quy mô toàn xã, xã viên là hội viên, được kết nạp tập thể. Ở cấp huyện do đồng chí huyện ủy phụ trách nông nghiệp làm Chủ tịch; ở cấp tỉnh, thành phố do Trưởng hoặc Phó Ban Nông nghiệp làm Chủ tịch. Hội đồng sử dụng bộ máy của Ban Nông nghiệp tỉnh, thành làm thường trực của Hội. Ở Trung ương do đồng chí Trưởng ban Nông nghiệp Trung ương làm Chủ tịch. Hội đồng sử dụng bộ máy của Ban Nông nghiệp Trung ương làm thường trực Hội. Chuyên Ban Chấp hành của Hội ở các cấp thành Hội đồng.

Để thống nhất quan điểm, nhận thức về vị trí, vai trò, tổ chức hoạt động của Hội Liên hiệp Hội Nông dân tập thể, đồng thời chuẩn bị tốt hơn về mọi mặt cho Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam.

Từ ngày 26/4 – 28/4/1986, tại thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Sơn Bình, Ban Nông nghiệp Trung ương đã tổ chức hội nghị các Trưởng ban Nông nghiệp và Chủ tịch Hội Nông dân tập thể các tỉnh, thành phố dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Thanh Bình, Bí thư Trung ương Đảng, cùng các đồng chí Vũ Oanh, Dương Quốc Cầm.

Quán triệt tinh thần đổi mới theo nội dung Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, nhằm đẩy mạnh hoạt động của Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam, ngày 24/3/1987, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị số 05/CT-TW về Tổ chức Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam và Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Hội.

Ngày 01/3/1988, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra Quyết định số 42 – QĐ/TW về việc đổi tên Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam thành **Hội Nông dân Việt Nam**.

Tại phiên họp ngày 17/01/1991, Bộ Chính trị đã đồng ý lấy **ngày 14 tháng 10 năm 1930** làm Ngày thành lập **Hội Nông dân Việt Nam**.

Ngày 20/5/1991, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị số 69 – CT/TU về việc Tổ chức kỷ niệm 61 năm Ngày thành lập Hội Nông dân Việt Nam (14/10/1930 – 14/10/1991). Lần đầu tiên Hội Nông dân Việt Nam tổ chức mít tinh kỷ niệm trọng thể 61 năm Ngày thành lập Hội tại Thủ đô Hà Nội, Tổng Bí thư Đỗ Mười tới dự và có bài phát biểu quan trọng.

Tại Lễ Kỷ niệm 80 năm Ngày thành lập Hội Nông dân Việt Nam (14/10/1930 – 14/10/2010), giai cấp nông dân Việt Nam đã vinh dự được Đảng, Nhà nước trao tặng Huân Chương Sao Vàng (lần 2).

Tại Lễ Kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Hội Nông dân Việt Nam (14/10/1930 – 14/10/2021), giai cấp nông dân Việt Nam đã vinh dự được Đảng, Nhà nước trao tặng Huân Chương Hồ Chí Minh.

5. Các kỳ đại hội của Hội Nông dân Việt Nam

5.1. Đại hội lần thứ I (nhiệm kỳ 1988 - 1993)

Đại hội được tổ chức từ ngày 28/3 - 29/3/1988 tại Hội trường Ba Đình, Hà Nội. Tham dự Đại hội có 613 đại biểu thay mặt cho 11.188.789 hội viên của cả nước. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành gồm 95 đồng chí và bầu 17 Ủy viên Ban Thường vụ. Đồng chí Phạm Bái - Ủy viên BCH Trung ương Đảng được bầu giữ chức Chủ tịch Ban chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.

Đại hội là sự kiện chính trị trọng đại, đã đánh dấu một mốc son quan trọng trên chặng đường cách mạng vẻ vang của Đảng, mở ra giai đoạn phát triển mới của phong trào nông dân và Hội Nông dân Việt Nam. Từ đây, Hội Nông dân Việt Nam, một tổ chức chính trị - xã hội rộng rãi của giai cấp nông dân có hệ thống tổ chức hoàn chỉnh từ Trung ương đến cơ sở, khẳng định những quan điểm cơ bản

của Đảng về vị trí, vai trò của giai cấp nông dân và Hội Nông dân Việt Nam.

5.2. Đại hội lần thứ II (nhiệm kỳ 1993 - 1998)

Đại hội được tổ chức từ ngày 15/11 - 19/11/1993 tại Hội trường Ba Đình, Hà Nội. Dự Đại hội có 600 đại biểu đại diện cho 7.269.982 hội viên (số hội viên giảm nhiều so với Đại hội I là do Hội có chủ trương rà soát danh sách, nâng cao chất lượng hội viên). Đại hội đã bầu 77 đồng chí vào Ban Chấp hành và 14 Ủy viên Ban Thường vụ. Đồng chí Nguyễn Văn Chính (Chín Càn) - Ủy viên BCH Trung ương Đảng được bầu lại làm Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.

Đây là Đại hội "*Đổi mới tổ chức, nội dung và phương thức hoạt động*", là Đại hội của trí tuệ và niềm tin, nơi hội tụ ý chí và nguyện vọng của giai cấp nông dân quyết tâm đổi mới và xây dựng Hội Nông dân Việt Nam vững mạnh về mọi mặt.

5.3. Đại hội lần thứ III (nhiệm kỳ 1998 - 2003)

Đại hội được tổ chức từ ngày 17/11 - 20/11/1998 tại Cung Văn hóa Hữu nghị, Hà Nội. Tham dự Đại hội có 700 đại biểu thay mặt cho 7.215.544 hội viên. Đại hội đã bầu 114 Ủy viên Ban Chấp hành, 19 Ủy viên Ban Thường vụ. Đồng chí Nguyễn Đức Triều - Ủy viên BCH Trung ương Đảng được bầu lại giữ chức Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.

Đại hội khẳng định tiếp tục đổi mới và phát huy mạnh mẽ vai trò nòng cốt của Hội, tổ chức, động viên giai cấp nông dân phát huy nội lực, cần kiệm xây dựng đất nước, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

5.4. Đại hội lần thứ IV (nhiệm kỳ 2003 - 2008)

Đại hội được tổ chức từ ngày 22/11 - 25/11/2003 tại Cung Văn hóa Hữu nghị, Hà Nội. Tham dự Đại hội có 860 đại biểu đại diện cho 8.173.238 hội viên cả nước. Đại hội đã bầu 120 Ủy viên Ban Chấp hành và 21 Ủy viên Ban Thường vụ; đồng chí Vũ Ngọc Kỳ - Ủy viên BCH Trung ương Đảng được bầu làm Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.

Chủ đề Đại hội là "*Đoàn kết - Đổi mới - Dân chủ - Phát triển*". Đại hội đã xác định phương hướng là: *Xây dựng Hội Nông dân Việt Nam vững mạnh về mọi mặt, là trung tâm, nòng cốt trong phong trào nông dân và công cuộc xây dựng nông thôn mới; nâng cao vai trò đại diện của giai cấp nông dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, vì mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"*.

5.5. Đại hội lần thứ V (nhiệm kỳ 2008 - 2013)

Đại hội đã được tổ chức từ ngày 22/12 - 25/12/2008 tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia, Mỹ Đình - Hà Nội. Tham dự Đại hội có 1.175 đại biểu đại diện cho

9.563.577 hội viên. Đại hội đã bầu 124 Ủy viên Ban Chấp hành và 21 Ủy viên Ban Thường vụ; đồng chí Nguyễn Quốc Cường - Ủy viên BCH Trung ương Đảng tái đắc cử giữ chức Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam. Chủ đề Đại hội: *“Đoàn kết - Đổi mới - Hội nhập - Phát triển”*. Đại hội đã xác định phương hướng là: *“Đoàn kết, năng động, sáng tạo, xây dựng giai cấp nông dân vững mạnh, là chủ thể trong quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn; Hội Nông dân vững về chính trị, mạnh về tổ chức, thống nhất về hành động, là trung tâm và nòng cốt trong phong trào nông dân, góp phần vào công cuộc xây dựng nông thôn mới trong thời kỳ đất nước đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế thế giới...”*.

5.6. Đại hội lần thứ VI (nhiệm kỳ 2013 - 2018)

Đại hội được tổ chức từ ngày 30/6 - 03/7/2013 tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia, Mỹ Đình - Hà Nội. Tham dự Đại hội có 1.169 đại biểu thay mặt cho 9.913.432 hội viên cả nước. Đại hội đã bầu 122 Ủy viên Ban Chấp hành và 21 Ủy viên Ban Thường vụ; đồng chí Nguyễn Quốc Cường, Ủy viên BCH Trung ương Đảng được tái cử giữ chức Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam. Chủ đề Đại hội: *“Đoàn kết - Đổi mới - Chủ động - Hội nhập - Phát triển bền vững”*. Đại hội xác định phương hướng: *Phát huy vai trò trung tâm và nòng cốt cho phong trào nông dân và công cuộc xây dựng nông thôn mới; đổi mới mạnh mẽ phương thức hoạt động theo hướng kết hợp chặt chẽ công tác tập hợp, tuyên truyền, vận động hội viên, nông dân, tham gia xây dựng cơ chế, chính sách phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; giám sát, phản biện xã hội và thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước với đầy mạnh hợp tác tăng cường các hoạt động dịch vụ, tư vấn, hỗ trợ và dạy nghề, đáp ứng nhu cầu và lợi ích thiết thực của hội viên, nông dân. Trực tiếp và phối hợp thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội ở nông thôn...*

Tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Hội lần thứ 8 (khóa VI), họp ngày 24/6/2016 tại Hà Nội đã bầu đồng chí Lại Xuân Môn - Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Thường trực giữ chức Chủ tịch BCH Trung ương Hội Nông dân Việt Nam thay đồng chí Nguyễn Quốc Cường được Bộ Chính trị cho nghỉ hưu; tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam lần thứ 13 (Khóa VI), họp ngày 12/01/2018, tại Hà Nội đã bầu đồng chí Thảo Xuân Sùng, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Dân vận Trung ương giữ chức Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam thay đồng chí Lại Xuân Môn được Bộ Chính trị bố trí công tác mới.

5.7. Đại hội lần thứ VII (nhiệm kỳ 2018 – 2023)

Đại hội được tổ chức từ ngày 11 - 13/12/2018 tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia, Mỹ Đình - Hà Nội. Tham dự Đại hội có 999 đại biểu đại diện cho 10.192.865 hội viên cả nước. Đại hội vinh dự được đón tiếp các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước: Tổng Bí thư, Chủ tịch Nước Nguyễn Phú Trọng; Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân; Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc, đại diện các ban, bộ, ngành trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy, các cơ quan thông tấn báo chí. Đại hội đã bầu 119 uỷ viên Ban Chấp hành; Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam khoá VII họp ngày 12/12/2018 tại Hà Nội đã bầu 21 uỷ viên Ban Thường vụ; đồng chí Thào Xuân Sùng, Uỷ viên BCH Trung ương Đảng tái đắc cử giữ chức Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam. Đây là Đại hội của tinh thần: *“Dân chủ - Đoàn kết - Đổi mới - Hội nhập - Phát triển”*. **Đại hội xác định phương hướng chung của nhiệm kỳ 5 năm (2018-2023)** là: *Xây dựng Hội Nông dân Việt Nam trong sạch, vững mạnh, phát huy vai trò của Hội và giai cấp nông dân trong phát triển nông nghiệp thịnh vượng, nông dân giàu có, nông thôn văn minh, hiện đại. Hội Nông dân Việt Nam cần nắm chắc nguyên tắc liên minh công nông, tiếp tục đổi mới toàn diện và mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động của Hội theo hướng giải quyết tốt lợi ích thiết thân của hội viên, nông dân, luôn dựa vào nông dân, vì nông dân; kết hợp chặt chẽ phương pháp vận động, tuyên truyền miệng với phương pháp tổ chức có hiệu quả các hoạt động dịch vụ, tư vấn, đào tạo nghề, hỗ trợ hội viên, nông dân sản xuất, kinh doanh; vận động hội viên, nông dân thực hiện có hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; phát triển và nâng cao chất lượng hội viên.*

Tiếp tục đẩy mạnh Phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững.

Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam (Khóa VII) họp tại Hà Nội từ ngày 22-23/7/2019 đã thông qua ba Nghị quyết về xây dựng Hội: Nghị quyết số 04 - NQ/HNNDTW *“về đẩy mạnh xây dựng Chi Hội Nông dân nghề nghiệp, Tổ Hội Nông dân nghề nghiệp”*; Nghị quyết số 05 - NQ/HNNDTW *“về tăng cường công tác phát triển, quản lý và nâng cao chất lượng hội viên Hội Nông dân Việt Nam”*; Nghị quyết số 06 - NQ/HNNDTW *“về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong thời kỳ mới”*. Ngày 12/7/2020, Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam đã ban hành Đề án số 03 -ĐA/HNNDTW về *“nâng cao vai trò của Hội Nông dân Việt Nam trong việc hỗ trợ nông dân khởi nghiệp sáng tạo, giai đoạn 2020-2025”*. Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam (Khóa VII) họp tại Hà Nội ngày 16/7/2020 đã thông qua Nghị quyết

số 10 - NQ/HNNDTW về “*Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2020 - 2025*”.

6. Những bài học kinh nghiệm của Hội Nông dân Việt Nam

Một là, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định mọi kết quả hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam; không ngừng đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động nâng cao nhận thức, trách nhiệm và tinh thần sáng tạo của các cấp Hội, cán bộ, hội viên, nông dân trong thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và chỉ thị, nghị quyết của Hội Nông dân Việt Nam.

Hai là, chăm lo xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ Hội các cấp có đủ năng lực, phẩm chất, nhiệt tình, trách nhiệm, hiểu nông dân và vì nông dân, nắm vững các chủ trương, chính sách để tuyên truyền, giải thích cho nông dân hiểu; chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nông dân thì sẽ phát huy được vai trò chủ thể của giai cấp nông dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ba là, đổi mới nội dung, phương thức vận động nông dân phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế thì mới đoàn kết, tập hợp nông dân và nâng cao được chất lượng hoạt động của Hội Nông dân các cấp; chú trọng chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích thiết thực, chính đáng của nông dân để tuyên truyền, vận động. Các hoạt động của Hội đều hướng về cơ sở, kịp thời nắm bắt, giải quyết những bức xúc, nguyện vọng chính đáng của hội viên nông dân và coi sự tham gia của hội viên, nông dân về các hoạt động công tác Hội và phong trào nông dân làm thước đo đánh giá chất lượng công tác Hội và đội ngũ cán bộ Hội các cấp.

Bốn là, công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của Hội phải có trọng tâm, trọng điểm, hướng mạnh về cơ sở và thường xuyên cùng hội viên, nông dân sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, động viên khen, thưởng kịp thời để hoàn thiện và nhân rộng các điển hình tiên tiến thì Hội Nông dân sẽ hoạt động có hiệu quả, phát động thành công các phong trào thi đua yêu nước.

Năm là, tăng cường phát huy dân chủ, mở rộng các hình thức đối thoại, tiếp xúc giữa cấp ủy, chính quyền, tổ chức Hội các cấp với hội viên, nông dân; nâng cao hiệu quả công tác giám sát và phản biện xã hội, nêu cao vai trò của hội viên, nông dân trong việc tham gia góp ý kiến xây dựng Đảng, chính quyền. Chủ động phối hợp với các bộ, ban, ngành và địa phương nhằm tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện nhiệm vụ công tác Hội và phong trào nông dân.

*

* *

Kỷ niệm 91 năm Ngày thành lập Hội Nông dân Việt Nam và 60 năm ngày thành lập Hội Nông dân Giải phóng miền Nam là dịp để cán bộ, hội viên, nông dân cùng nhân dân cả nước ôn lại truyền thống cách mạng vẻ vang của tổ chức Hội và giai cấp nông dân Việt Nam; cổ vũ, động viên cán bộ, hội viên, nông dân ra sức thi đua, phát huy vai trò, trách nhiệm của giai cấp nông dân và Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp thịnh vượng, nông dân giàu có, nông thôn văn minh, hiện đại góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, xây dựng một nước Việt Nam phồn vinh, hòa bình, thịnh vượng./.

MỘT SỐ KHẨU HIỆU TUYÊN TRUYỀN
91 NĂM NGÀY THÀNH LẬP HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM VÀ 60 NĂM
NGÀY THÀNH LẬP HỘI NÔNG DÂN GIẢI PHÓNG MIỀN NAM

1. Nhiệt liệt chào mừng 91 năm Ngày thành lập Hội Nông dân Việt Nam (14/10/1930 – 14/10/2021)!
2. Nhiệt liệt chào mừng 60 năm Ngày thành lập Hội Nông dân Giải phóng miền Nam (21/4/1961 - 21/4/2021)!
3. Cán bộ, hội viên nông dân phấn đấu sớm đưa Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng thành hiện thực cuộc sống!
4. Cán bộ, hội viên nông dân Việt Nam quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ VII!
5. Cán bộ, hội viên, nông dân tích cực tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026!
6. Xây dựng Hội Nông dân Việt Nam vững mạnh xứng đáng là trung tâm, nòng cốt cho phong trào nông dân và công cuộc xây dựng nông thôn mới!
7. Cán bộ, hội viên, nông dân đoàn kết, năng động, sáng tạo, hội nhập, phát triển vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh!
8. Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh muôn năm!
9. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam muôn năm!
10. Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta!

ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN

**Kỷ niệm 46 năm Ngày giải phóng miền Nam,
thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2021)**

*(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 16 -HD/BTGTU,
ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy)*

I. Chặng đường lịch sử, chiến công oanh liệt của sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

1. Bối cảnh quốc tế và trong nước

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, đế quốc Mỹ có tiềm lực rất mạnh, dẫn đầu phe đế quốc, hiếu chiến và thực hiện âm mưu bá quyền; từng bước khẳng định sự có mặt ở Đông Dương. Sau thất bại của thực dân Pháp ở Điện Biên Phủ, chủ nghĩa thực dân cũ sụp đổ, đế quốc Mỹ nhảy vào miền Nam Việt Nam, áp đặt chủ nghĩa thực dân mới, âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta. Lúc này trên thế giới đã phân chia thành hai hệ thống đối đầu gay gắt bằng cuộc “chiến tranh lạnh” và chạy đua vũ trang quyết liệt. Hệ thống chủ nghĩa xã hội (XHCHN), phong trào công nhân ở các nước tư bản, phong trào giải phóng dân tộc ở khắp nơi trên thế giới dâng cao.

Trong nước, sau chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp, miền Bắc được giải phóng và bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam vẫn còn dưới ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai. Đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước trở thành nhiệm vụ thiêng liêng của toàn dân tộc ta trong giai đoạn này.

2. Những bước phát triển của cuộc kháng chiến

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của Nhân dân ta trải qua gần 21 năm, là cuộc kháng chiến lâu dài, gian khổ và nhiều thách thức, ác liệt. Đảng và Nhân dân ta phải đấu trí và đấu sức chống tên đế quốc giàu mạnh và hung bạo nhất trong phe đế quốc. Cuộc kháng chiến này đã trải qua nhiều giai đoạn, phải đối phó lần lượt với các kế hoạch, chiến lược của đế quốc Mỹ.

a. Giai đoạn từ tháng 7/1954 đến hết năm 1960: Đấu tranh giữ gìn lực lượng, chuyển dần sang thế tiến công, làm thất bại bước đầu phương thức chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ.

Những chiến thắng oanh liệt trong kháng chiến chống thực dân Pháp mà đỉnh cao là Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 đã buộc thực dân Pháp và can thiệp Mỹ phải ký Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam và Đông Dương, cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Campuchia và Lào. Nhưng với những mưu đồ đã dự tính từ trước, đế quốc Mỹ trắng trợn phá hoại Hiệp định Giơnevơ, hắt cẳng Pháp, gạt bỏ những thế lực tay sai của Pháp, dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, thực hiện chính sách thực dân mới, mưu đồ chia cắt lâu dài đất nước ta. Chính quyền Mỹ - Diệm tập trung thực hiện biện pháp “tố cộng”, “diệt cộng” đàn áp, khủng bố phong trào yêu nước, trả thù những người kháng chiến cũ, tiêu diệt cơ sở cách mạng ở miền Nam, ban hành Luật 10/59 “đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật”, biến cả miền Nam thành nơi tràn ngập nhà tù, trại giam, trại tập trung. Cách mạng miền Nam bị chìm trong biển máu.

Đứng trước tình thế mới, Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo quân và dân cả nước thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược: Một là cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, xây dựng miền Bắc thành căn cứ vững mạnh của cách mạng cả nước. Hai là cách mạng dân tộc dân chủ Nhân dân ở miền Nam nhằm giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai, thực hiện thống nhất nước nhà. Thực hiện nhiệm vụ trên, miền Bắc tích cực triển khai những công việc bộn bề sau chiến tranh, nhanh chóng tổ chức cuộc sống mới. Trong ba năm (1958-1960), chúng ta đã hoàn thành về cơ bản công cuộc cải tạo XHCN, căn bản xóa bỏ chế độ bóc lột, bước đầu xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội theo con đường đi lên CNXH, chuẩn bị một số nội dung cho cách mạng cả nước trong giai đoạn mới. Ở miền Nam, cuộc đấu tranh diễn ra vô cùng khó khăn, ác liệt, nhưng đại bộ phận Nhân dân vẫn một lòng theo Đảng, bất khuất chống áp bức, khủng bố, bảo vệ lực lượng cách mạng. Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng ra đời, xác định rõ mục tiêu, phương pháp cách mạng miền Nam, mối quan hệ chiến lược của cách mạng hai miền, giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới; phản ánh đúng nhu cầu của lịch sử, giải quyết kịp thời yêu cầu phát triển của cách mạng miền Nam; định hướng và động viên Nhân dân miền Nam vùng lên đấu tranh, tạo ra phong trào Đồng khởi (1959 - 1960), xoay chuyển tình thế cách mạng miền Nam, làm tan rã hàng loạt bộ máy của ngụy quyền ở các thôn, xã.

b. Giai đoạn từ đầu năm 1961 đến giữa năm 1965: Giữ vững và phát triển thế tiến công, đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ.

Từ cuối năm 1960, đế quốc Mỹ thay đổi chiến lược, chuyển sang chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” đối phó với cách mạng miền Nam. Đó là chiến lược dùng quân đội ngụy tay sai làm công cụ tiến hành chiến tranh, càn quét, dồn dân vào ấp chiến lược, đưa 10 triệu nông dân miền Nam vào các trại tập trung, tách lực lượng cách mạng ra khỏi Nhân dân. Cuộc đấu tranh của Nhân dân miền Nam chuyển sang giai đoạn mới, từ khởi nghĩa từng phần lên chiến tranh cách mạng, kết hợp song song cả đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị, đánh địch bằng cả ba mũi giáp công, trên cả ba vùng chiến lược, làm phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ và tay sai. Trên miền Bắc, các mặt trận kinh tế, văn hoá, an ninh quốc phòng đều có bước phát triển mới. Quân và dân miền Bắc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, vừa sản xuất vừa sẵn sàng chiến đấu và chi viện cho miền Nam.

c. Giai đoạn từ giữa năm 1965 đến hết năm 1968: Đảng phát động toàn dân chống Mỹ cứu nước, đánh bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ ở miền Nam, đánh thắng cuộc phá hoại bằng không quân, hải quân lần thứ nhất ở miền Bắc.

Trước nguy cơ phá sản của “Chiến tranh đặc biệt”, đế quốc Mỹ chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, sử dụng quân đội Mỹ là lực lượng cơ động chủ yếu tiêu diệt bộ đội chủ lực ta; dùng ngụy quân, ngụy quyền để bình định, kìm kẹp Nhân dân, âm mưu đánh bại cách mạng miền Nam trong vòng 25 đến 30 tháng (từ giữa 1965 đến hết 1967), đẩy mạnh chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân và hải quân.

Trên chiến trường miền Nam, quân và dân ta đã đánh thắng quân xâm lược Mỹ ngay từ những trận đầu khi chúng vừa đổ bộ vào. Tiếp theo những trận thắng oanh liệt ở Núi Thành, Vạn Tường, Plâyme, Đất Cuốc, Bầu Bàng, ta lại đánh bại ba cuộc hành quân lớn của Mỹ vào miền Đông Nam Bộ, đánh thắng lớn ở các chiến trường Tây

Nguyên, miền Tây khu V, Đường 9, đồng bằng Nam Bộ và các mục tiêu chủ yếu của địch ở các thành phố lớn. Quân dân miền Bắc tiếp tục đánh trả cuộc tiến công bằng không quân và hải quân của Mỹ, giành những thắng lợi lớn trên nhiều mặt, bảo đảm giao thông thông suốt, chi viện sức người, sức của ngày càng lớn cho miền Nam. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 đã giáng một đòn quyết định vào chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh và ngồi vào bàn đàm phán với ta tại Hội nghị Paris.

d. Giai đoạn từ năm 1969 đến năm 1973: Phát huy sức mạnh liên minh chiến đấu Việt Nam với Lào, Campuchia, làm thất bại một bước chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”, đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân lần thứ hai ở miền Bắc, tạo thế mạnh trong đàm phán.

Đế quốc Mỹ thi hành chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”, từng bước mở rộng chiến tranh sang Campuchia, Lào. Thủ đoạn xảo quyệt của Mỹ là thực hiện chiến tranh hủy diệt và chiến tranh giành dân, chiến tranh bóp nghẹt để làm suy yếu cuộc kháng chiến của Nhân dân ta trên cả hai miền Nam - Bắc. Quân và dân ta phối hợp với quân, dân hai nước Lào, Campuchia đánh bại một bước quan trọng chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”. Những thắng lợi của chiến tranh cách mạng ba nước Đông Dương trong hai năm 1970-1971 đã tạo thuận lợi cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Nhân dân ta. Nhờ chuẩn bị tốt lực lượng, nhằm đúng thời cơ, quân và dân ta đã liên tiếp giành thắng lợi lớn trên chiến trường, nhất là cuộc tiến công chiến lược năm 1972 và đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai ở miền Bắc, nổi bật là đánh thắng cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 của Mỹ, làm thay đổi cục diện chiến trường, cục diện chiến tranh. Trong đàm phán, chúng ta cũng khôn khéo tiến công địch, phối hợp chặt chẽ giữa “đánh và đàm”, buộc Mỹ phải ký Hiệp định Paris, rút hết quân Mỹ và quân các nước chư hầu ra khỏi miền Nam. So sánh lực lượng thay đổi hẳn, có lợi cho ta, tạo điều kiện cơ bản nhất để ta giành thắng lợi cuối cùng.

e. Giai đoạn từ cuối năm 1973 đến ngày 30/4/1975: Tạo thế và lực, tạo thời cơ, kiên quyết tiến hành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, kết thúc thắng lợi trọn vẹn cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Sau khi ký Hiệp định Paris, mặc dù buộc phải rút hết quân nhưng đế quốc Mỹ vẫn tiếp tục âm mưu dùng ngụy quân, ngụy quyền làm công cụ để thực hiện chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt Nam. Mỹ tăng cường tiền của, vũ khí, phương tiện chiến tranh cho ngụy lán đất, giành dân, khống chế Nhân dân, thực hiện các hoạt động ngoại giao xảo quyệt để ngăn chặn sự phát triển của cách mạng miền Nam. Đến tháng 5/1973, xu thế chống phá Hiệp định Paris của địch ngày càng tăng. Chúng điên cuồng đánh phá hòng xoá bỏ vùng giải phóng của ta, đẩy lùi lực lượng cách mạng.

Tháng 7/1973, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 21 đã khẳng định con đường cách mạng miền Nam vẫn là con đường bạo lực và đề ra các nhiệm vụ lớn cho hai miền Nam - Bắc. Nửa cuối năm 1974, cuộc chiến tranh của quân và dân ta ở miền Nam chống lại chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” đã giành được thắng lợi. Ta ngày càng mạnh lên, ngụy ngày càng suy yếu rõ rệt. Nước Mỹ lâm vào khủng hoảng nội bộ. Tháng 7/1974, Đảng ta chỉ đạo Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt

Nam xây dựng kế hoạch chiến lược giải phóng miền Nam trong hai năm 1975-1976, nếu thời cơ đến sẽ giải phóng miền Nam trong năm 1975. Thắng lợi toàn miền, nhất là của miền Đông Nam Bộ, đặc biệt là chiến thắng Phước Long cuối năm 1974 - đầu năm 1975 càng cho thấy thực tế suy yếu của quân ngụy Sài Gòn và khả năng Mỹ khó quay lại Việt Nam. Đảng ta nhận định thời cơ giải phóng hoàn toàn miền Nam đã đến.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 bắt đầu từ ngày 4/3 bằng ba đòn chiến lược: Chiến dịch Tây Nguyên mở đầu bằng trận đột phá đánh chiếm Buôn Ma Thuột, giải phóng Tây Nguyên; Chiến dịch giải phóng Huế - Đà Nẵng và Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn - Gia Định kết thúc vào ngày 30/4. Qua gần 2 tháng chiến đấu với sức mạnh áp đảo về chính trị và quân sự, quân và dân ta đã giành được toàn thắng, kết thúc 21 năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược.

Trong cuộc kháng chiến giành độc lập tự do cho dân tộc, biết bao đồng bào, đồng chí, cán bộ, chiến sĩ của Tỉnh đã anh dũng hy sinh, góp phần cùng cả nước giành thắng lợi quyết định trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước vĩ đại của dân tộc, giành lại độc lập, tự do cho Tổ quốc. Kỷ niệm 44 năm Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước chính là dịp chúng ta ôn lại những trang sử hào hùng của dân tộc, nhìn lại chặng đường phấn đấu xây dựng và phát triển đất nước, đồng thời nhận thức sâu sắc hơn giá trị, những bài học kinh nghiệm được tổng kết từ trong thực tiễn đấu tranh của dân tộc để tiếp thêm sức mạnh, ý chí quyết tâm trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

3. Ý nghĩa lịch sử

- Đối với Việt Nam: Thắng lợi của Nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là thành quả vĩ đại nhất của sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội do Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo; là trang sử hào hùng và chói lọi trên con đường dựng nước và giữ nước mấy ngàn năm của dân tộc. Nhân dân ta đánh thắng kẻ thù lớn mạnh và hung hãn nhất của loài người tiến bộ; kết thúc oanh liệt cuộc chiến đấu 30 năm giành độc lập tự do, thống nhất cho đất nước; chấm dứt ách thống trị hơn một thế kỷ của chủ nghĩa thực dân cũ và mới trên đất nước ta; đánh dấu bước ngoặt quyết định trong lịch sử dân tộc, đưa đất nước ta bước vào kỷ nguyên độc lập tự do, cả nước đi lên CNXH.

- Đối với thế giới: Thắng lợi của Nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là thắng lợi tiêu biểu của lực lượng cách mạng thế giới; góp phần thúc đẩy mạnh mẽ cuộc đấu tranh của Nhân dân thế giới vì mục tiêu độc lập dân tộc, hoà bình, dân chủ và tiến bộ xã hội; cổ vũ, động viên các dân tộc đang tiến hành công cuộc giải phóng dân tộc, chống chủ nghĩa đế quốc; mở đầu sự phá sản của chủ nghĩa thực dân mới trên toàn thế giới.

4. Nguyên nhân thắng lợi

- Một là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

- Hai là, Nhân dân và các lực lượng vũ trang Nhân dân đã phát huy truyền thống yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, một lòng đi theo Đảng, đi theo Bác Hồ, chiến đấu dũng cảm, ngoan cường, bền bỉ, lao động quên mình vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì CNXH và vì quyền con người.

- Ba là, cả nước đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động, trên dưới một lòng, triệu người như một, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

- Bốn là, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, tạo thành sức mạnh tổng hợp đánh Mỹ và thắng Mỹ.

- Năm là, đoàn kết, liên minh chiến đấu với nhân dân Lào và nhân dân Campuchia; đoàn kết quốc tế.

5. Bài học kinh nghiệm

- Thứ nhất: Xác định đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với đặc điểm của cách mạng Việt Nam.

- Thứ hai: Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

- Thứ ba: Vận dụng một cách sáng tạo, linh hoạt phương pháp đấu tranh cách mạng, phương thức tiến hành chiến tranh toàn dân và nghệ thuật quân sự chiến tranh toàn dân, xây dựng và phát triển lý luận chiến tranh cách mạng, chiến tranh Nhân dân Việt Nam.

- Thứ tư: Chủ động, nhạy bén, linh hoạt trong chỉ đạo chiến lược chiến tranh cách mạng và nghệ thuật tạo và nắm thời cơ giành những thắng lợi quyết định.

- Thứ năm: Phải luôn luôn chú trọng xây dựng Đảng trong mọi hoàn cảnh, nâng cao sức chiến đấu và phát huy hiệu lực lãnh đạo của Đảng.

II. Thành tựu sau 46 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước

1. Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp tháng 9/1975 đề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước. Ngày 25/4/1976 cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung được tổ chức trên toàn quốc với hơn 23 triệu cử tri (98,8% tổng số cử tri) đi bầu. Quốc hội quyết định lấy tên nước là Cộng hòa XHCN Việt Nam (từ 2/7/1976). Quốc kỳ là lá cờ đỏ sao vàng, Quốc ca là bài Tiến quân ca, Quốc huy là "Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam". Hà Nội là thủ đô của nước Việt Nam thống nhất. Thành phố Sài Gòn đổi tên thành Thành phố Hồ Chí Minh.

Việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước đã tạo nên những điều kiện chính trị cơ bản để phát huy toàn diện sức mạnh phát triển đất nước, tạo điều kiện thuận lợi để cả nước đi lên CNXH, có những khả năng to lớn để bảo vệ Tổ quốc và mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới. Từ đó đến nay, nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân, thực hành dân chủ, phát huy sức sáng tạo của Nhân dân, được quán triệt trong nhiệm vụ xây dựng một nhà nước pháp quyền XHCN thực sự của dân, do dân, vì dân. Quốc hội có những bước đổi mới quan trọng, từ khâu bầu cử đại biểu đến hoàn thiện cơ cấu tổ chức, phương thức hoạt động, làm tốt hơn chức năng lập pháp, giám sát và quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước, tăng cường và lắng nghe ý kiến cử tri. Nâng cao sức chiến đấu, vai trò, vị trí của Đảng cầm quyền, chú trọng đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức được tăng cường. Chính phủ có nhiều cải tiến trong phương thức hoạt động, trong thực hiện cải cách hành chính theo tinh thần phục vụ Nhân dân. Hệ thống chính trị được củng cố, phân định rõ hơn trách nhiệm và quyền hạn, đảm nhiệm ngày càng toàn diện hơn việc lãnh đạo, quản lý sự phát triển đất nước.

2. Kinh tế đạt được nhiều thành tựu quan trọng, văn hóa - xã hội có bước tiến bộ rõ nét. Từ một nước nghèo nàn, lạc hậu, chịu hậu quả nặng nề của nhiều năm chiến tranh, lại bị bao vây cấm vận, Việt Nam đã vượt lên, phát triển kinh tế khá nhanh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều thành phần kinh tế, nhiều hình thức sở hữu, tích cực và chủ động hội nhập quốc tế. Đất nước ta không những đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, phá được thế bao vây cấm vận, vượt qua những tác động tiêu cực của khủng hoảng tài chính tiền tệ khu vực và thế giới những năm 1997-1998 và cuộc khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế toàn cầu những năm gần đây mà vẫn giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô. Hàng hoá trên thị trường dồi dào, đa dạng và lưu thông tương đối thuận lợi. Kinh tế đối ngoại phát triển mạnh, mở rộng hơn trước về quy mô, hình thức, góp phần quan trọng vào việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội. Mức tăng trưởng GDP bình quân 6-7%/năm, đặc biệt giai đoạn 1990 - 2000 đạt 7,5%, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 5,9%/năm. Năm 2020, trong bối cảnh đại dịch Covid-19 tác động mạnh đến nước ta, gây nhiều thiệt hại về kinh tế xã hội nhưng với sự nỗ lực cố gắng vượt bậc, GDP của nước ta đạt mức tăng trưởng 2,91% (là một trong những nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới). Thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN tiếp tục được hoàn thiện. Quan hệ sản xuất ngày càng phù hợp hơn, tạo điều kiện phát triển lực lượng sản xuất. Các loại thị trường từng bước được hình thành và phát triển, gắn kết ngày càng tốt hơn với thị trường thế giới.

Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt. Từ năm 2008 chúng ta đã đạt mức thu nhập bình quân đầu người trên 1.000 đô la, vượt qua ngưỡng nước nghèo chậm phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình. Năm 2020 thu nhập bình quân đầu người đạt 2.750 đô la. Chỉ số phát triển con người (HDI) thuộc nhóm trung bình cao của thế giới. Năm 2000, cả nước đã đạt chuẩn quốc gia về xoá nạn mù chữ. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân có tiến bộ; tuổi thọ của người dân ngày càng tăng. Phúc lợi và an sinh xã hội được coi trọng và từng bước mở rộng. Công tác chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ, người có công với cách mạng được Đảng, Nhà nước và cả xã hội quan tâm. Vấn đề tạo điều kiện ưu đãi về tín dụng, đào tạo nghề, phát triển sản xuất, xoá đói giảm nghèo cho đối tượng chính sách được quan tâm. Công tác giải quyết việc làm và xoá đói, giảm nghèo đạt kết quả tốt; sự nghiệp giáo dục có bước phát triển mới về quy mô, đa dạng hoá về loại hình trường lớp; khoa học công nghệ và tiềm lực khoa học - công nghệ có bước phát triển nhất định; công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân có tiến bộ; những giá trị văn hoá đặc sắc của dân tộc được kế thừa và phát triển, giao lưu hợp tác văn hoá với nước ngoài được mở rộng, các tài năng văn hoá - nghệ thuật được khuyến khích; chính sách phát triển nguồn nhân lực được chú trọng.

3. Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường; chính trị - xã hội ổn định; độc lập chủ quyền quốc gia được giữ vững; tiềm lực an ninh, quốc phòng ngày càng lớn mạnh. 46 năm qua, chúng ta đã bảo vệ được thành quả cách mạng, bảo vệ chế độ XHCN, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, đẩy mạnh phát triển kinh tế, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, củng cố lòng tin của nhân dân vào sự nghiệp đổi mới, nâng cao trình độ hiểu biết về quốc phòng, an ninh và ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng

và phát triển tiềm lực quốc phòng theo hướng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại và có đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội.

4. Quan hệ đối ngoại ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu, vị thế Việt Nam trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia đã tăng lên nhiều, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp. Chúng ta đã phá vỡ thế bao vây cấm vận, mở rộng quan hệ đối ngoại theo hướng đa phương hoá, đa dạng hoá, giữ vững độc lập chủ quyền quốc gia, xác lập được quan hệ ổn định với các nước lớn; có quan hệ ngoại giao với hơn 180 nước, quan hệ kinh tế thương mại với hơn 200 nước và vùng lãnh thổ; là thành viên của nhiều tổ chức, diễn đàn quốc tế ASEAN, ASEM, APEC, WTO...; đặc biệt, Việt Nam đã tích cực tham gia mạng lưới các Hiệp định thương mại tự do (FTA): Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA). Năm 2020, Việt Nam đã được bầu làm Ủy viên không thường trực của Hội đồng Bảo an nhiệm kỳ 2020 - 2021, tích cực tham gia giải quyết những vấn đề biên giới, lãnh thổ, biển đảo các nước liên quan, góp phần giữ vững môi trường hoà bình khu vực và thế giới.

III. Phát huy tinh thần Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn hiện nay

1. Phát huy truyền thống yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến đấu của Đại thắng mùa Xuân 1975, động viên toàn thể dân tộc Việt Nam vững bước trên con đường xây dựng đất nước theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Lòng yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng được thể hiện trên tất cả các lĩnh vực. Từ đấu tranh bảo vệ Đảng, bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc và an ninh chính trị đến việc tích cực lao động sản xuất, nghiên cứu, học tập, xả thân cứu dân trong thiên tai, thảm họa, đoàn kết dân tộc, tương thân tương ái, gìn giữ phát huy bản sắc văn hóa dân tộc ... Vì vậy, các cấp, ngành, các địa phương, cơ quan, đơn vị cần chủ động đề ra các hình thức tuyên truyền, giáo dục phù hợp, bằng việc làm cụ thể, thiết thực nhằm khơi dậy và phát huy cao độ lòng yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng của Nhân dân vào thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Phát huy cao độ tinh thần quyết chiến, quyết thắng của Đại thắng mùa Xuân 1975 để vượt qua mọi khó khăn, thử thách, không chịu đói nghèo, lạc hậu, vươn lên tiến kịp thời đại, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững, có vị thế xứng đáng trên thế giới. Đó là khát vọng thiêng liêng của dân tộc và cũng mãnh liệt như ý chí giành độc lập, thống nhất Tổ quốc. Để thực hiện khát vọng đó, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta hãy nỗ lực vượt qua khó khăn, thách thức trước mắt, thi đua lao động, sản xuất, học tập và công tác tốt, góp phần thực hiện thắng lợi nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, phấn đấu cao độ cho việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ngay từ năm đầu thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, đặc biệt là thực hiện thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng Nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021.

3. Phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, là động lực chủ yếu, là nhân tố có ý nghĩa quyết định, bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, sự nghiệp đổi mới. Toàn dân đoàn kết, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, hoàn cảnh, chung sức, đồng lòng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

4. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thực hiện tốt Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị (khóa XI) về hội nhập quốc tế. Tăng cường giáo dục giữ vững tinh thần độc lập, tự chủ, tinh thần yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc; phát huy nội lực của đất nước với sự giúp đỡ, hợp tác với các nước, tận dụng triệt để các nguồn lực trong và ngoài nước; giải quyết hài hòa các nhiệm vụ đối nội và đối ngoại. Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định cho sự phát triển, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, nâng cao vị thế đất nước; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

5. Đẩy mạnh xây dựng nếp sống văn hóa, giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng con người mới theo tinh thần Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 Hội nghị Trung ương 9 khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Đảng, Nhà nước và Nhân dân đặt niềm tin vào thế hệ trẻ sẽ nối tiếp xứng đáng sự nghiệp của các thế hệ đi trước trong điều kiện mới, tiến quân vào khoa học và công nghệ, vươn tới những đỉnh cao của trí tuệ loài người, nâng tầm văn hóa trong cuộc sống, năng động sáng tạo trong học tập, lao động, kinh doanh, trong nghiên cứu khoa học, công nghệ và các hoạt động văn hóa, xã hội, trong nhiệm vụ bảo vệ an ninh và quốc phòng. Thế hệ thanh niên trước đây đã đảm đương xuất sắc vai trò xung kích trong Tổng khởi nghĩa Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và các cuộc kháng chiến chống đế quốc, ngày nay là lực lượng xung kích, đi đầu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

6. Phát huy tri thức, kinh nghiệm quân sự, công tác tư tưởng trong Đại thắng mùa Xuân 1975 vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Quốc phòng vững mạnh sẽ góp phần trực tiếp vào việc giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, xã hội, bảo đảm và tạo điều kiện quan trọng cho việc thực hiện những mục tiêu chiến lược của đất nước. Kế thừa những tri thức, kinh nghiệm quân sự, công tác tư tưởng trong Đại thắng mùa Xuân năm 1975 vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay, các cấp, các ngành, các địa phương, cơ quan, đơn vị, không ngừng nâng cao chất lượng hiệu quả của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục quốc phòng, an ninh, xây dựng ý thức trách nhiệm đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cho mọi công dân; thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 25-10-2013 của Hội nghị Trung ương 8 (khóa XI) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

IV. Một số nét trong Chiến dịch Mùa xuân 1975 trên địa bàn tỉnh Bình Dương

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, cùng với quân - dân cả nước, quân và dân Bình Dương cũng đã anh dũng vượt qua những năm tháng vô cùng gian khổ, ác liệt. Nằm trên địa bàn trọng điểm, nơi đầu não của chế độ Mỹ - Ngụy, nơi giằng co ác liệt giữa ta và địch, nơi thử thách ý chí và sức lực của con người một cách cao độ, nhưng

với một lòng tận trung với Đảng, tận hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì Chủ nghĩa xã hội và hạnh phúc của Nhân dân, những người con thân yêu của Tỉnh nhà đã lên đường tham gia kháng chiến, vào sông ra chết, không ngại nguy nan; quân và dân Bình Dương đã phát triển hệ thống dân quân, du kích rộng khắp, mạnh mẽ, phối hợp, hiệp đồng tác chiến chặt chẽ cùng các đơn vị bộ đội chủ lực, góp phần làm nên những thắng lợi có ý nghĩa tác động sâu sắc đến toàn bộ cục diện chiến trường miền Nam. Những trận đánh, những địa danh, những tên đất, tên làng, như: chiến khu D, Thủ Biên - Tam giác sắt, Bàu Bàng, Đất Cuốc, Bông Trang - Nhà đỏ, Lò Gạch, Tháp canh - Cầu Bà Kiên, Long Nguyên - Bến Cát, Dầu Tiếng, Thủ Dầu Một, Phước Thành, Lai Khê, Bàu Cá Trê ... cùng các đơn vị Tiểu đoàn 1 Phú Lợi, Đội nữ pháo binh Bến Cát ... mãi mãi được ghi vào lịch sử như những dấu ấn không bao giờ phai, tô thắm thêm truyền thống vẻ vang của quân - dân Bình Dương; những thắng lợi đó đã góp phần cùng quân - dân miền Đông Nam bộ nói riêng và cả nước nói chung lần lượt “đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào” viết nên thiên anh hùng ca rực rỡ nhất trong thời đại Hồ Chí Minh. Biết bao tấm gương trung liệt của nhân dân, tấm gương của các Mẹ Việt Nam Anh hùng, tấm gương của các Anh hùng liệt sĩ, các thương binh, bệnh binh, những người đã được biết đến và chưa được biết đến, thể hiện chủ nghĩa anh hùng cách mạng cao đẹp đã diễn ra trên mảnh đất Bình Dương thân yêu.

Thực hiện quyết tâm của Bộ Chính trị giải phóng miền Nam trong hai năm 1975-1976, cùng với toàn miền, quân và dân Thủ Dầu Một - Bình Dương tăng cường đẩy mạnh chiến lược tiến công, tạo thế và lực chuẩn bị cho cuộc tấn công chiến lược.

Ngày 10/3/1975, Sư đoàn 9 cùng bộ đội địa phương tiến công chi khu quân sự Trị Tâm (Dầu Tiếng). Ngày 13/3/1975, toàn bộ quận Dầu Tiếng được giải phóng, ta đã chặt đứt một mắt xích quan trọng, một vị trí xung yếu nhất trên tuyến phòng thủ hướng bắc Sài Gòn của địch.

Từ ngày 14-16/4/1975, Tỉnh ủy mở hội nghị cán bộ lãnh đạo chủ chốt phổ biến nhiệm vụ của quân và dân toàn Tỉnh trong chiến dịch tiến công và nổi dậy giải phóng Tỉnh và nhiệm vụ phối hợp với các quân đoàn chủ lực trong chiến dịch giải phóng Sài Gòn.

Với tinh thần “Một ngày bằng hai mươi năm”, việc chuẩn bị được tiến hành rất khẩn trương. Trước đó, Tỉnh ủy đã điều 252 cán bộ chiến sĩ, đảng viên đang hoạt động trong vùng căn cứ và vùng giải phóng tăng cường cho các địa phương ở phía trước. Trong lúc đó, hàng ngàn chiến sĩ, cán bộ cùng với lực lượng dân công hỏa tuyến liên tục ngày đêm tích cực chuyển hơn 40 tấn đạn dược, vũ khí, hơn 80 tấn lương thực xuống nam đường 16 để phục vụ chiến trường.

Ngày 18/4/1975, Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng và Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Thủ Dầu Một ra lời kêu gọi: “Toàn thể cán bộ, chiến sĩ, các cấp, các ngành, các vùng hãy phát huy cao độ vai trò tiên phong gương mẫu, kiên cường, bất khuất đập bằng mọi gian khổ hy sinh, quyết cùng đồng bào liên tục tấn công đập tan bộ máy kim kẹp của địch, giành toàn bộ chính quyền trong tỉnh về tay Nhân dân”. Cả thị xã và các nơi trong tỉnh sục sôi khí thế cách mạng tiến công với khẩu hiệu “Tất cả cho tuyến tuyến”, với quyết tâm cao nhất “giành chính quyền về tay Nhân dân”.

Ngày 26/4/1975, từ các căn cứ cách mạng và các vùng giải phóng, hàng vạn cán bộ, chiến sĩ của lực lượng vũ trang trong tỉnh cùng 2 sư đoàn chủ lực của Quân đoàn I và Đoàn 113 đặc công của quân khu vượt qua bom đạn của kẻ thù, ào ạt xuống đường hướng về các mục tiêu theo kế hoạch

Đêm 26 rạng ngày 27/4/1975, Tiểu đoàn 2 Phú Lợi của Tỉnh được pháo binh Quân đoàn I chi viện, nổ súng tấn công cứ điểm Bình Mỹ, Bình Cơ, tiêu diệt tiểu đoàn 306 bảo an (tiểu đoàn có nhiều nợ máu với Nhân dân), bắt sống 17 tên, thu 92 súng các loại. Phối hợp với đòn tiến công quân sự, chi bộ lộ, cơ sở mật xã Bình Mỹ đã lãnh đạo vận động quần chúng nổi dậy phá ấp chiến lược, truy bắt tề điệp, kêu gọi binh lính ra hàng. Chiến thắng Bình Mỹ đã chọc thủng tuyến phòng ngự phía Bắc thị xã Thủ Dầu Một mở thông đầu cầu cho các cánh quân của Quân đoàn I áp sát mục tiêu được an toàn. Từ ngày 27/4/1975, cuộc tiến công và nổi dậy diễn ra đều khắp trên toàn Tỉnh.

Tại huyện Nam Bến Cát, thực hiện theo kế hoạch, đêm 27/4/1975, bộ đội huyện phối hợp với du kích các xã An Điền, An Tây, Phú An vây ép bao bó các đồn bót, các chốt đóng quân của Tiểu đoàn 361 bảo an ở ngã tư Chú Lường, ngã tư Thùng Thơ, ngã tư Phú Thứ. Quân ta bao vây dùng loa kêu gọi địch đầu hàng. Trước nguy cơ bị tiêu diệt, 6 giờ sáng ngày 28/4, toàn bộ quân địch đóng ở các vị trí 3 xã Tây Nam rút chạy, ta truy kích diệt 16 tên, thu trên 100 súng các loại. Tiểu đoàn 361 bảo an và bộ máy kim kẹp của địch bị diệt và tan rã. Ba xã Tây Nam hoàn toàn được giải phóng.

Đêm 28 rạng ngày 29/4/1975, lực lượng ta pháo kích vào chi khu Tân Uyên, lực lượng huyện với hơn 30 đồng chí từ cầu Rạch Tre đánh lên, nhanh chóng phát triển hợp đồng tiếng súng với lực lượng của Sư đoàn 320B đánh chiếm các mục tiêu địch trong chi khu. Toàn bộ quân địch ở chi khu tháo chạy về Tân Ba và tan rã. Đến chiều 29/4, các xã còn lại của huyện Tân Uyên được hoàn toàn giải phóng.

Phối hợp với Tân Uyên, ngày 29/4/1975, tại Châu Thành, Phú Giáo, các đơn vị lực lượng vũ trang tỉnh, huyện, du kích các xã đồng loạt tiến công và nổi dậy bao vây bức hàng, bứt rút nhiều đồn bót địch. Tại xã Hòa Lợi, từ đêm 28/4, lực lượng Sư đoàn 312, được du kích xã dẫn đường đã chiếm lĩnh tinh lộ 2, chặn địch rút chạy. Các xã Đông Nam Châu Thành được sự chi viện của lực lượng Tỉnh, huyện sử dụng Đại đội 62 cùng du kích xã phát động quần chúng nổi dậy tiêu diệt làm tan rã hoàn toàn lực lượng bảo an, dân vệ và bộ máy kim kẹp tề, vệ, giải phóng hoàn toàn 4 xã Đông Nam.

Ở các huyện Lái Thiêu, Dĩ An và thị xã Thủ Dầu Một, lực lượng ta trong ngày 29/4/1975 đã áp sát mục tiêu. Bị bao vây từ 4 hướng, bọn địch phòng thủ với tâm trạng hoang mang cực độ. Để kịp thời chỉ đạo, chỉ huy các lực lượng tiến công giải phóng thị xã và các huyện phía trước, đêm 29 rạng ngày 30/4, Thường trực Tỉnh ủy từ căn cứ Bình Mỹ chuyển xuống đứng chân tại xã Phú Chánh. Ban chỉ đạo, Chỉ huy tiền phương cùng Ban chỉ huy Sư đoàn 312 đứng chân sát tiểu khu Phú Lợi.

Đúng 5 giờ sáng ngày 30/4/1975, một mũi của Quân đoàn 1 nổ súng tấn công căn cứ Phú Lợi và tiểu khu Bình Dương. Sau những đợt pháo bắn dồn dập, đơn vị xe tăng của Sư đoàn 312 tiến công vào căn cứ Phú Lợi. Quân địch hoảng loạn vứt cả súng đạn, quân trang, quân dụng tháo chạy. 9 giờ sáng ngày 30/4/1975, ta làm chủ hoàn toàn căn cứ Phú Lợi.

10 giờ 30 phút ngày 30/4/1975, lực lượng ta làm chủ tình hình trong nội ô thị xã, cờ giải phóng được cắm trên nóc tòa hành chính. Cuộc tiến công và nổi dậy của quân và dân thị xã Thủ Dầu Một đã làm tan rã hàng vạn quân nguy, đập tan bộ máy chính quyền từ tỉnh đến huyện, xã, giành chính quyền về tay Nhân dân.

V. Thành tựu của tỉnh Bình Dương sau 46 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, trải qua 46 năm, toàn Đảng bộ, toàn dân và toàn quân Sông Bé - Bình Dương đã đoàn kết, phát huy sức mạnh các nguồn lực, vượt qua mọi khó khăn, thách thức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh.

Thực hiện đường lối đổi mới đất nước bắt đầu từ Đại hội VI của Đảng, Đảng bộ tỉnh Sông Bé đã sớm đề ra chủ trương: "*Trái chiếu hoa mời gọi nhà đầu tư*" từ những năm 1990. Chủ trương đúng đắn này đã tạo bước đột phá về thu hút đầu tư, huy động tốt mọi nguồn lực, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân để đưa Bình Dương trở thành một tỉnh công nghiệp phát triển trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, các thành phần kinh tế tiếp tục phát triển cả về số lượng và quy mô, sức cạnh tranh, tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của Tỉnh đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, đời sống Nhân dân tiếp tục được cải thiện. Đặc biệt trong hơn 24 năm xây dựng và phát triển (từ năm 1997 đến nay): Kinh tế tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng khá; hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu đều đạt tốc độ tăng trưởng theo mục tiêu đề ra, tạo nền tảng cơ bản hoàn thành các mục tiêu của cả nhiệm kỳ. Tổng sản phẩm trong Tỉnh (GRDP) năm 2020 tăng 6,91%, thu nhập bình quân đầu người đạt 151 triệu đồng, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng.

Công nghiệp phát triển khá và tiếp tục là ngành chủ lực của nền kinh tế; dịch vụ đóng vai trò ngày càng quan trọng trong phát triển kinh tế; nông nghiệp chuyển dịch theo hướng phát triển nông nghiệp đô thị, nông nghiệp áp dụng kỹ thuật cao; các thành phần kinh tế tiếp tục phát triển, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực. Lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, đô thị có những chuyển biến khá rõ nét. Công nghiệp phát triển đúng định hướng và tiếp tục là ngành chủ lực của nền kinh tế. Huy động nhiều nguồn lực đầu tư phát triển đô thị, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Đặc biệt, các chiến lược hướng tới xây dựng thành phố thông minh được Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện và bước đầu đạt một số hiệu quả. Lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn tiếp tục được quan tâm thực hiện bằng nhiều chủ trương, chính sách cụ thể và đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Tiềm lực và khả năng cạnh tranh, thương hiệu của tỉnh được nâng lên rõ rệt, đưa Bình Dương thành tỉnh thuộc nhóm các tỉnh, thành phát triển dẫn đầu trong sự nghiệp đổi mới của cả nước. Trong những năm qua, Tỉnh đã tổ chức và đăng cai tổ chức thành công nhiều hoạt động, sự kiện văn hóa, chính trị, đối ngoại quan trọng, góp phần phục vụ tốt nhu cầu văn hóa, tinh thần của người dân và quảng bá hình ảnh Bình Dương đến bạn bè quốc tế.

Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng lên. Các chính sách an sinh xã hội trên các lĩnh vực lao động, việc làm, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, người có công và bảo trợ xã hội tiếp tục được quan tâm thực hiện đạt kết quả tốt. Công tác giảm nghèo tiếp tục được quan tâm thực hiện bằng nhiều chính sách, giải pháp cụ thể; hiện nay toàn Tỉnh không còn hộ nghèo theo tiêu chuẩn tiếp cận đa chiều của Trung ương. Thực hiện nhiều chính sách, giải pháp giải quyết việc làm, đào tạo nghề cho người lao động, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp hàng năm, giải quyết việc làm cho 45.300 lao động. Tiếp tục quan tâm thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo; chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị; củng cố,

nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. Đến nay, toàn Tỉnh có 703 cơ sở giáo dục, tỷ lệ trường công lập được lâu hóa là 76,6 % tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia là 77,6%; duy trì phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập trung học cơ sở; tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông các năm luôn đạt cao; công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân ở các tuyến được đảm bảo; các chương trình mục tiêu về y tế hàng năm đều đạt kế hoạch đề ra. Số bác sĩ trên 1 vạn dân đạt 7,5, số giường bệnh trên 1 vạn dân đạt 20,04; 100% trạm y tế xã có bác sĩ và đạt tiêu chí quốc gia về y tế; đặc biệt Tỉnh đã thực hiện tốt việc khống chế và kiểm soát tình hình dịch bệnh Covid-19 không để lây lan trên diện rộng, đảm bảo thực hiện mục tiêu kép là vừa phòng chống dịch bệnh Covid-19 hiệu quả và tăng trưởng kinh tế.

Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị luôn được chú trọng. Dân chủ trong Đảng tiếp tục được mở rộng; công tác tự phê bình và phê bình có nhiều chuyển biến tích cực. Công tác bảo vệ nền tảng của Đảng và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch được tăng cường. Việc sắp xếp tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở được triển khai nghiêm và hiệu quả theo hướng từng bước tinh gọn, giảm đầu mối gắn với tinh giản biên chế. Hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động, điều hành của chính quyền các cấp được nâng lên; công tác cải cách hành chính đạt nhiều kết quả tích cực, nhất là cải cách thủ tục hành chính. Việc thực hiện các quy định pháp luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng được thực hiện nghiêm túc.

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu đề ra, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân tỉnh Bình Dương tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, nêu cao tinh thần đoàn kết, nỗ lực khắc phục khó khăn, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh; thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ XI, tổ chức thành công Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Kỷ niệm 46 năm Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, là dịp để toàn Đảng, toàn quân, toàn dân nhìn lại chặng đường lịch sử cách mạng vẻ vang của đất nước nói chung và của địa phương nói riêng, Đảng bộ, chính quyền, quân và nhân dân tỉnh Bình Dương tiếp tục phát huy tinh thần đoàn kết, năng động, sáng tạo, chủ động vượt qua khó khăn, thử thách, triển khai thực hiện có hiệu quả nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ XI, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; tăng cường hoạt động đối ngoại; phấn đấu xây dựng tỉnh Bình Dương phát triển bền vững theo hướng đô thị thông minh, văn minh, hiện đại; đến năm 2030, Bình Dương trở thành trung tâm công nghiệp hiện đại, đến năm 2045 là đô thị thông minh của vùng và cả nước.

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY BÌNH DƯƠNG